

Phụ lục: THỐNG KÊ TRỌNG ĐIỂM, VỊ TRÍ XUNG YẾU ĐÊ, KÈ, CỐNG NĂM 2026

(Trên các tuyến đê từ cấp III đến cấp đặc biệt)

(Kèm theo Công văn số /BNNMT-ĐĐ ngày tháng năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Tỉnh/tuyến	Vị trí Km-Km/ Tên công trình	Xã/Phường	Nội dung xác định trọng điểm
Tổng cộng: 293 trọng điểm, vị trí xung yếu				
I	THÁI NGUYÊN			
1	Hà Châu	K0+890 - K1+000 Sạt lở mái đê phía đồng	X. Diềm Thụy	Do ảnh hưởng của bão số 11 năm 2025 đã gây ra mưa lũ đặc biệt lớn, làm sạt trượt mái đê phía đồng.
2	Hà Châu	K0+350 - K5+550 Tràn đê	X. Diềm Thụy	Bão số 11 năm 2025 đã gây ra mưa lũ đặc biệt lớn, lũ trên sông Cầu vượt mực nước lũ lịch sử và vượt mực nước thiết kế đê, trên tuyến đã đắp chống tràn cao từ (0,5-0,8)m.
3	Hà Châu	K2+850 - K2+970 Sạt lở bờ sông	X. Diềm Thụy	Phía sông là khúc sông cong, khi có lũ lên, dòng chảy thúc vào bờ sông cách chân đê Hà Châu khoảng 25m đến 30m làm sạt lở bờ sông trực tiếp uy hiếp đến an toàn của đê.
4	Hà Châu	K4+300 - K4+400 Lỗ rò mái đê	X. Diềm Thụy	Khi mực nước lũ trên sông vượt báo động III (+12,50m), xuất hiện lỗ rò ở mái đê phía đồng.
5	Hà Châu	K5+750 - K6+200 Sạt lở bờ sông	P. Vạn Xuân	Phía sông là khúc sông cong, khi có lũ lên, dòng chảy thúc vào bờ sông cách chân đê Hà Châu khoảng 15m đến 30m làm sạt lở bờ sông, trực tiếp uy hiếp đến an toàn của đê.
6	Hà Châu	K6+300 - K16+330 Lỗ rò mái đê	P. Vạn Xuân	Khi mực nước lũ trên sông vượt báo động III (+12,50m), trên tuyến xuất hiện 58 lỗ rò ở mái đê phía đồng.
7	Hà Châu	K7+800 - K8+200; K9+340 - K9+360 Đùn sủi	P. Vạn Xuân	Khi mực nước lũ trên sông lên báo động III (+12,50m), xuất hiện mạch đùn, sủi (mang theo cát) cách chân đê từ (0-20)m ở phía đồng.
8	Hà Châu	K9+700 - K11+500; K13+650 - K13+890 Thấm lậu mái đê	P. Vạn Xuân	Khi mực nước lũ trên sông vượt báo động II (+11,5m), đã xảy ra hiện tượng rò rỉ, thấm lậu ở mái đê phía đồng.
9	Hà Châu	K11+050 - K14+030 Tràn đê	P. Vạn Xuân	Bão số 11 năm 2025 đã gây ra mưa lũ đặc biệt lớn, lũ trên sông Cầu vượt mực nước lũ lịch sử và vượt mực nước thiết kế đê, trên tuyến đã đắp chống tràn cao từ (0,5-0,8)m.

TT	Tỉnh/tuyến	Vị trí Km-Km/ Tên công trình	Xã/Phường	Nội dung xác định trọng điểm
10	Hà Châu	K11+750 - K11+950 Sạt lở bờ sông	P. Vạn Xuân	Phía sông là khúc sông cong, khi có lũ lên, dòng chảy thúc vào bờ sông cách chân đê Hà Châu khoảng 15m đến 20m làm sạt lở bờ sông, trực tiếp uy hiếp đến an toàn của đê.
11	Hà Châu	K13+500 - K13+650 Sạt lở bờ sông	P. Vạn Xuân	Phía sông là khúc sông cong, khi có lũ lên, dòng chảy thúc vào bờ sông cách chân đê Hà Châu khoảng 15m đến 20m làm sạt lở bờ sông, trực tiếp uy hiếp đến an toàn của đê.
12	Hà Châu	K13+880 - K13+890 Sạt lở mái đê phía đồng	P. Vạn Xuân	Mái đê dốc, không có cơ đê; chân đê giáp đầm ao, chênh cao giữa mặt đê, chân đê lớn; địa chất nền đê và thân đê yếu. Khi nước lũ lên cao, mái đê phía đồng bị thấm và gây ra sạt lở.
13	Hà Châu	K14+680 Cống Cao Vương	P. Vạn Xuân	Cống xây dựng từ năm 1959 đã xuống cấp, thân cống bị hà rỗ. Khi nước lũ lên cao, nước thấm qua thân và mang cống gây mạch sủi ở hạ lưu cống; cần phải được theo dõi, kiểm tra thường xuyên để đề phòng các sự cố về cống.
14	Hà Châu	K14+800 - K16+440 Thân đê mảnh	P. Vạn Xuân	Thân đê nhỏ, chiều rộng mặt đê và hệ số mái đê chưa đảm bảo thiết kế.
15	Chã	K5+500 - K6+540 Tràn đê	P. Trung Thành	Bão số 11 năm 2025 đã gây ra mưa lũ đặc biệt lớn, lũ trên sông Cầu vượt mực nước lũ lịch sử và vượt mực nước thiết kế đê, trên tuyến đã đắp chống tràn cao từ (0,5-1,0)m.
16	Chã	K7+850 - K7+950 Sạt lở bờ sông	P. Trung Thành	Phía sông là khúc sông cong, khi có lũ lên, dòng chảy thúc vào bờ sông cách chân đê Chã khoảng 100m làm sạt lở bờ sông, nguy cơ uy hiếp đến an toàn của đê.
II	PHÚ THỌ			
1	Tả Lô	K4+900 Cống Dừa	X. Hải Lựu	Cống đã xảy ra sự cố trong lũ sau bão số 3 năm 2024; hiện đang triển khai thi công xây dựng cống mới để đưa vào chống lũ năm 2026, cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên để đề phòng các sự cố về cống.
2	Tả Lô	K17+580 Cống Đọ	X. Sông Lô	Cống xuống cấp, nhiều hư hỏng, mang cống xuất hiện thấm, cánh cống bị han rỉ; cống đang được triển khai thi công sửa chữa, dự kiến hoàn thành trong tháng 7/2026 (riêng hoàn thành các hạng mục công việc chống lũ xong trước 30/4/2026); cần phải được theo dõi, kiểm tra thường xuyên để đề phòng các sự cố về cống.
3	Hữu Phó Đáy	K10+875 Cống Triệu Đê	X. Sơn Đông	Cống đã xảy ra sự cố trong lũ sau bão số 3 năm 2024; hiện đang triển khai thi công xây dựng cống mới để đưa vào chống lũ năm 2026, cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên để đề phòng các sự cố về cống.

TT	Tỉnh/tuyến	Vị trí Km-Km/ Tên công trình	Xã/Phường	Nội dung xác định trọng điểm
4	Tả Phó Đáy	K4+200 - K5+030 Rò rỉ, thấm lậu mái đê phía đồng	X. Tam Dương Bắc	Trong mùa lũ năm 2024, đoạn đê nêu trên đã xảy ra hiện tượng đùn sùi phía sông và phía đồng; cần được thường xuyên, theo dõi, kiểm tra để đề phòng các sự cố có thể xảy ra.
5	Hữu Lô	K70+600 Phai ghi đường sắt	P. Thanh Miếu	Vị trí đê giao tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai với đê hữu Lô, cửa khẩu có chiều rộng lớn, cao trình thấp so với cao trình đỉnh đê thiết kế. Khi mực nước sông tại Việt Trì đạt +16,90m (trên BĐ III: 1,0m) và nguy cơ tiếp tục lên, phải thông báo cho ngành đường sắt dừng giao thông và tổ chức đắp lấp phai ghi đường sắt để đảm bảo chống lũ.
6	Tả Thao	K64+150 - K64+300 Sạt lở bờ sông	P. Phong Châu	Phía sông là khúc sông cong, dòng chảy thúc thẳng vào bờ sông, cách chân đê khoảng 10m; hiện bờ sông trong khu vực đã xảy ra sụt lún, sạt lở nghiêm trọng, chiều dài khoảng 150m, đe dọa đến an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân trong khu vực và ảnh hưởng đến an toàn đê điều. Nguy cơ tiếp tục sạt lở, ảnh hưởng đến an toàn đê điều, dân sinh, đặc biệt khi có lũ.
7	Đà Giang	K0+982 - K1+187 (đoạn đường chui qua cầu Hòa Bình)	P. Hòa Bình	Khi nhà máy thủy điện Hòa Bình xả lũ mực nước đạt báo động III (+22,0m) tràn vào khu vực đường gây mất an toàn cho giao thông đi lại và nước lũ tiếp tục dâng cao trên mực nước thiết kế (+24,15m) nước có khả năng tràn vào khu vực phường Hòa Bình qua vị trí cửa khẩu gây mất an toàn cho dân cư và các đơn vị hành chính thuộc địa bàn phường Hòa Bình.
8	Ngòi Dong	K1+757 Cống thoát nước qua đê	P. Hòa Bình	Cống không có van đóng mở, chưa đảm bảo an toàn chống lũ. Khi mực nước lũ đạt trên báo động II (+21,0)m và tiếp tục dâng cao, nước có khả năng tràn vào khu vực phường Hòa Bình, gây mất an toàn cho dân cư và cơ sở hạ tầng.
III	BẮC NINH			
1	Hữu Thái Bình	K9+680 Cống tiêu tự chảy Văn Thai A	X. Trung Chính	Do ảnh hưởng của mưa lũ đặc biệt lớn sau bão số 3 năm 2024, cống đã xảy ra sự cố rò rỉ nước qua cánh cống vào trong đồng, đã tiến hành xử lý giò đầu đắp hoành triệt cửa cống để đảm bảo an toàn chống lũ. Tháng 5/2025, cống xảy ra sự cố hư hỏng khớp nối, lún thân cống, hiện nay đang thi công cống mới thay thế; cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, đề phòng các sự cố về cống.
2	Hữu Đuống	K28+800 - K29+100 Thấm lậu mái đê	P. Thuận Thành	Do địa chất thân đê không đồng nhất, kết cấu thân đê chủ yếu là đất cát pha, khi nước lũ lên cao có nguy cơ xảy ra thấm lậu mái đê phía đồng.
3	Hữu Đuống	K32+800 Cống qua đê TB Ngô Xá	P. Mão Điền	Cống mới xây dựng, chưa qua thử thách với lũ, cần theo dõi, kiểm tra thường xuyên.

TT	Tỉnh/tuyến	Vị trí Km-Km/ Tên công trình	Xã/Phường	Nội dung xác định trọng điểm
4	Hữu Đuống	K55+000 - K59+100 Sạt lở mái đê phía sông	X. Cao Đức	Đây là khu vực có mặt thoáng sông rộng, tuyến đê vuông góc với hướng gió, khi nước lũ lên cao có nguy cơ sẽ gây ra hiện tượng sạt lở mái đê phía sông do sóng.
5	Tả Đuống	K28+500 - K30+000 Sạt lở mái đê phía sông	X. Phật Tích	Do mặt thoáng sông rộng, đê sát sông, không có hàng tre chắn sóng, khi mực nước lũ lên cao có nguy cơ sạt lở mái đê phía sông do sóng.
6	Tả Đuống	K30+350 - K30+850 Thâm lậu mái đê	X. Phật Tích	Do nền địa chất yếu, đất đắp đê không đồng chất, khi mực nước lũ lên cao có nguy cơ xảy ra thâm lậu mái đê phía đồng.
7	Tả Đuống	K33+000 - K33+100 Sạt lở mái đê phía sông	X. Tân Chi	Do mặt thoáng sông rộng, đê sát sông, không có hàng tre chắn sóng, khi mực nước lũ lên cao có nguy cơ sạt lở mái đê phía sông do sóng.
8	Tả Đuống	K43+700 - K43+800 Sạt lở mái đê phía sông	X. Chi Lăng	Khi nước lũ lên cao có nguy cơ sạt lở mái đê phía sông do sóng. Cần được theo dõi, thường xuyên kiểm tra để chủ động ứng phó khi có diễn biến bất thường xảy ra.
9	Tả Đuống	K44+555 Cống Long Phương	P. Bồng Lai	Mùa lũ năm 2017, cống bị sự cố rò rỉ mang cống, đỉnh cống, rách khớp nối số 1, bùn cát chảy vào trong lòng cống khi có lũ lên cao, ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn đê điều. Năm 2018 đã hoàn thành xử lý sự cố, cần tiếp tục theo dõi chặt chẽ, xử lý ngay khi phát sinh sự cố.
10	Hữu Cà Lò	K12+500 - K14+000 Lỗ rò mái đê	X. Tam Giang	Do ảnh hưởng của mưa lũ đặc biệt lớn sau bão số 3 năm 2024, nước lũ lên cao tại một số đoạn K12+750-K12+850; K13+800-K14+000 đã xuất hiện hiện tượng thâm lậu, lỗ rò tại mái đê phía đồng, sự cố đã được xử lý giờ đầu đảm bảo an toàn chống lũ. Cần tiếp tục theo dõi chặt chẽ để xử lý ngay khi phát sinh sự cố.
11	Hữu Cà Lò	K13+200 - K13+500 Tràn qua mặt đê	X. Tam Giang	Do ảnh hưởng của mưa lũ đặc biệt lớn năm 2025, nước lũ lên cao, đã phải đắp chống tràn cao (50-70)cm. Đoạn đê trên là đoạn thấp cục bộ dưới gầm cầu cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên.
12	Hữu Cầu	K31+750 Cống trạm bơm Vọng Nguyệt	X. Tam Giang	Do ảnh hưởng của mưa lũ đặc biệt lớn sau bão số 3 năm 2024, nước lũ lên cao, đã xảy ra hiện tượng nước rò rỉ qua cánh cống về phía đồng.
13	Hữu Cầu	K37+500 - K37+750 Sạt trượt mái đê	X. Yên Trung	Trong đợt mưa lũ tháng 10,11 năm 2025, xảy ra sự cố sạt trượt mái đê phía đồng ăn sâu vào thân đê; mái đê hiện trạng dốc đứng.
14	Hữu Cầu	K46+750 Cống tiêu Phán Động	X. Tam Đa	Do ảnh hưởng của mưa lũ đặc biệt lớn sau bão số 3 năm 2024, nước lũ lên cao, đã xảy ra hiện tượng nước rò rỉ qua cánh cống về phía đồng.

TT	Tỉnh/tuyến	Vị trí Km-Km/ Tên công trình	Xã/Phường	Nội dung xác định trọng điểm
15	Hữu Cầu	K57+400 - K58+950 Sạt trượt mái đê	P. Kinh Bắc	Đoạn đê nhiều năm không tham gia chống lũ (phía ngoài là đê bồi Đầu Hàn). Đây là khu vực có địa chất nền phức tạp, nhiều đầm ao ven chân đê, mặt thoáng sông rộng, nguy cơ xảy ra sạt trượt mái đê khi có lũ, bão.
16	Hữu Cầu	K77+000 Mạch đùn, mạch sủi	P. Quế Võ	Sau đợt mưa, lũ lớn năm 2025, tại K77+000 đê hữu Cầu xuất hiện 01 lỗ sủi tại khu vực ao phía đồng, cách chân đê khoảng 40m, đường kính khoảng (1-1,2)m. Cần được theo dõi, thường xuyên kiểm tra để chủ động ứng phó khi có diễn biến bất thường xảy ra.
17	Tả Cầu	K0+000 - K12+700 Sạt lở mái đê phía đồng, đùn sủi, tràn cục bộ	X. Hợp Thịnh	Tháng 10/2025, khi lũ lên cao đồng loạt xảy ra nhiều sự cố (sạt trượt mái đê phía đồng đoạn K0+250-K0+300, K6+900-K7+100, K9+450-K9+550; đùn sủi đoạn K2+500-K2+600; tràn cục bộ các đoạn K2-K4+500, K6+500-K7+500, K8+500-K12+700. Các sự cố trên đã xử lý giờ đầu và được tỉnh ban hành Lệnh khẩn cấp xây dựng công trình từ K0-K10. Tuy nhiên, cần được theo dõi, thường xuyên kiểm tra để chủ động ứng phó khi có diễn biến bất thường xảy ra.
18	Tả Cầu	K19+050 Cống Xuân Biều	X. Hợp Thịnh	Cánh cống tự động đã han gỉ, xảy ra hiện tượng rò rỉ nước qua khe cánh cống. Cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, đề phòng các sự cố về cống.
19	Tả Cầu	K20+400 Cống lấy nước TB Cẩm Bào (cũ) K20+436 Cống lấy nước TB Cẩm Bào (mới)	X. Xuân Cẩm	Tháng 6/2025, phát hiện sự cố đùn sủi tại khu vực bể hút trạm bơm Cẩm Bào, đã được xử lý giờ đầu nhưng chưa hoàn chỉnh. Công xả TB Cẩm Bào mới hiện đang thi công, dự kiến xong trước 31/5/2026; chưa qua thử thách. Cần được theo dõi, thường xuyên kiểm tra để chủ động ứng phó khi có diễn biến bất thường xảy ra.
20	Tả Cầu	K29+500 - K30+050 Sạt trượt mái đê	X. Xuân Cẩm	Mái đê sạt mái bờ sông, chưa có kè, khi nước lũ lên cao dễ gây sạt trượt mái đê phía sông.
21	Tả Cầu	K30+050 - K30+900 Tràn cục bộ mặt đê	X. Xuân Cẩm	Tháng 10/2025, khi mực nước sông vượt mức lũ lịch sử đã tràn cục bộ một số đoạn đê, nước lũ cao hơn mặt đê (20-40)cm, đã phải đắp chống tràn. Cần được theo dõi, thường xuyên kiểm tra khi có lũ để chủ động ứng phó khi có diễn biến bất thường xảy ra.
22	Tả Cầu	K33+400 - K33+800 Sạt lở bãi sông	X. Xuân Cẩm	Khu vực K33+400-K33+800 xảy ra sự cố vỡ đê vào năm 1934. Mặt đê khu vực này có cao trình +9,65; cao trình bãi khoảng +(5,0-5,50), vị trí gần nhất cách chân đê từ (10-15)m; mái bờ sông dốc đứng, địa chất nền bãi yếu. Bão số 11 (Matmo) năm 2025 và hoàn lưu sau bão đã gây ra mưa lớn. Lũ trên sông Cầu đã lên trên mức báo động III và vượt mức lũ lịch sử, khu vực bãi sông này tiếp tục có diễn biến sạt lở.

TT	Tỉnh/tuyến	Vị trí Km-Km/ Tên công trình	Xã/Phường	Nội dung xác định trọng điểm
23	Tả Cầu	K40+500 - K43+700 Thẩm lậu mái đê	P. Vân Hà	Khi nước lũ lên cao xuất hiện thẩm lậu mái đê; cần được theo dõi, thường xuyên kiểm tra để chủ động ứng phó khi có diễn biến bất thường xảy ra.
24	Tả Cầu	K43+600 Cống Đồng Vôi	P. Vân Hà	Kênh kẹt cánh cống, nước rò rỉ qua khe cánh cống; cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên.
25	Tả Cầu	K47+400 - K49+000 Nứt mặt đê bê tông	P. Vân Hà	Xảy ra hiện tượng nứt mặt đê, vết nứt rộng từ (2-3)cm, khi nước lũ lên cao vết nứt phát triển thêm. Cần được theo dõi, thường xuyên kiểm tra để chủ động ứng phó khi có diễn biến bất thường xảy ra.
26	Tả Cầu	K52+440 - K52+455 Sự cố lún nứt mặt đê	P. Nénh	Xảy ra hiện tượng nứt mặt đê năm 2024, vết nứt rộng từ (2-5)cm, khi nước lũ lên cao vết nứt phát triển thêm. Cần được theo dõi, thường xuyên kiểm tra để chủ động ứng phó khi có diễn biến bất thường xảy ra.
27	Tả Cầu	K55+000 - K55+800 Nứt mặt đê bê tông	P. Nénh	Xảy ra hiện tượng nứt mặt đê, vết nứt rộng từ (4-8)cm, khi nước lũ lên cao vết nứt phát triển thêm. Cần được theo dõi, thường xuyên kiểm tra để chủ động ứng phó khi có diễn biến bất thường xảy ra.
28	Tả Thương	K2+600 - K4+800 Thẩm lậu mái đê	X. Mỹ Thái	Tháng 10/2025, lũ lên cao đã xuất hiện thẩm lậu nhỏ, thẩm lậu nước trong làm ướt mái đê phía đồng các đoạn từ K2+600-K3+625, K4+000-K4+800. Cần được theo dõi, thường xuyên kiểm tra để chủ động ứng phó khi có diễn biến bất thường xảy ra.
29	Tả Thương	K5+100 Cống Từ Mạn	X. Mỹ Thái	Kênh kẹt, nước rò rỉ qua khe cánh cống. Cần được theo dõi, thường xuyên kiểm tra để chủ động ứng phó khi có diễn biến bất thường xảy ra.
30	Tả Thương	K15+930 Cống xả TB Văn Sơn	P. Tân Tiến	Tháng 8/2025, phần tiêu năng cửa cống phía sông bị sụt lún mái taluy cả hai bên, phần tiêu năng tách rời thân cống chuyển vị về phía sông. Cần được theo dõi, thường xuyên kiểm tra để chủ động ứng phó khi có diễn biến bất thường xảy ra.
31	Tả Thương	K16+600 - K22+700 Xử lý môi	P. Tân Tiến	Xuất hiện nhiều tổ mối ở mái đê, nguy cơ ảnh hưởng thân đê khi nước lũ dâng cao.
32	Tả Thương	K22+700 - K23+500 Sạt trượt mái cơ đê phía đồng	P. Tân An	Do mưa lớn ở thượng nguồn kéo dài, lũ trên sông Thương dâng cao trên báo động III, kết hợp ảnh hưởng của hoàn lưu bão gây mưa lớn. Tại khu vực K22+700-K23+500 chân đê phía đồng có đầm ao xuất hiện các vết nứt trên mái cơ đê, chiều dài khoảng 50m
33	Tả Thương Duong Đức	K2+300 - K2+600 Sạt lở mái đê phía sông và tràn cục bộ qua đê	X. Mỹ Thái	Tháng 10/2025, do lũ lên cao gây ra hiện tượng tràn và xấp xỉ tràn tại một số vị trí khu vực K2+300 - K2+600 và sạt lở mái đê phía sông khu vực K2+600. Cần được theo dõi, thường xuyên kiểm tra để chủ động ứng phó khi có diễn biến bất thường xảy ra.

TT	Tỉnh/tuyên	Vị trí Km-Km/ Tên công trình	Xã/Phường	Nội dung xác định trọng điểm
34	Tả Thương Đương Đức	K6+700 Cống Đức Mại	X. Mỹ Thái	Cống được xây dựng đã lâu (năm 1962), hiện đã hư hỏng, xuống cấp, dễ xảy ra kênh kẹt cánh cống. Hiện đang thi công xây dựng cống mới, cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, đề phòng các sự cố về cống.
35	Tả Thương Đương Đức	K6+780 Cống TB Đức Mại	X. Mỹ Thái	Cống đang thi công xây dựng mới, dự kiến hoàn thành 31/5/2026, chưa qua thử thách; cần được theo dõi, thường xuyên kiểm tra đề phòng các sự cố về cống.
36	Hữu Thương	K0+000 - K8+500 Tràn đê	X. Phúc Hoà	Tháng 10/2025, lũ lên cao đã bị tràn qua mặt đê một số đoạn (từ 0,15-0,35m). Cần được theo dõi, thường xuyên kiểm tra để chủ động ứng phó khi có diễn biến bất thường xảy ra.
37	Hữu Thương	K14+000 - K16+000 Thảm lậu mái đê	X. Phúc Hoà	Tháng 10/2025, khi nước lũ lên cao xuất hiện thảm lậu mái đê, thân đê; cần được theo dõi, xử lý.
38	Hữu Thương	K36+700 Cống Đa Mai	P. Đa Mai	Cống xây dựng từ lâu (năm 1937). Năm 2018 đã được duy tu, sửa chữa khắc phục sự cố gãy goong cánh cống. Cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, đề phòng sự cố kênh kẹt cánh cống.
39	Hữu Thương	K43+000 Cống Đầm	P. Tiền Phong	Xảy ra hiện tượng kênh kẹt, rò rỉ nước qua khe cánh cống. Cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, đề phòng sự cố kênh kẹt cánh cống.
40	Hữu Lục Nam	K2+700 Cống Cẩm Y	X. Lục Nam	Cống xây dựng đã lâu, khi nước sông lên cao xuất hiện lỗ rò qua khớp nối cống và rò rỉ qua kênh tưới phía đồng. Đã xử lý giời đầu đắp chống tràn, khoan phụt vữa mang cống nhưng cần được theo dõi, kiểm tra để chủ động đối phó khi có diễn biến bất thường xảy ra.
41	Hữu Lục Nam	K12+500 - K14+750 Sạt lở mái đê, nứt mặt đê	X. Bắc Lũng	Xuất hiện các vết nứt trên mặt đê. Nhiều đoạn mặt đê bị lún nghiêng về phía đồng như tại K12+550, K12+800-K13+100, K13+250-K13+400; vết nứt rộng từ (1-5)cm.
42	Hữu Lục Nam	K13+400 - K13+450 Sạt lở mái đê phía đồng	X. Bắc Lũng	Tháng 9/2024 mực nước lũ lên cao đã gây ra sạt mái phía đồng, chiều dài khoảng 20m cung sạt ăn sâu vào mái từ (1,5-2)m. Đã xử lý gia cố chân nhưng cần được theo dõi, thường xuyên kiểm tra để chủ động ứng phó khi có diễn biến bất thường xảy ra.
43	Hữu Lục Nam	K13+500 Cống Chản	X. Bắc Lũng	Cống được xây dựng từ lâu (năm 1962), dễ xảy ra kênh kẹt cánh cống, nước rò rỉ qua khe cánh cống.
44	Hữu Lục Nam	K15+450 Cống Mân	X. Bắc Lũng	Cống được xây dựng từ lâu (năm 1962), dễ xảy ra kênh kẹt cánh cống, nước rò rỉ qua khe cánh cống.

TT	Tỉnh/tuyên	Vị trí Km-Km/ Tên công trình	Xã/Phường	Nội dung xác định trọng điểm
IV	HẢI PHÒNG			
1	Tả Luộc	K52+700-K52+822 Mặt đường 17D	X. Nguyễn Giáp	Đoạn đê từ K52+680-K52+822 là đoạn cuối của đường 17D, hiện trạng cao độ mặt đường (đồng thời là mặt đê) thấp, không đủ gia thẳng phòng lũ.
2	Hữu Thái Bình	K43+743 Cống Dừa A	X. Chí Minh	Cống được xây dựng năm 1962, đã xuống cấp, khẩu độ cống bxx=4x3,44m, thân cống ngắn, đã được nối dài năm 1998; tuy nhiên do đê được tiếp tục cải tạo nâng cấp nên thân cống vẫn ngắn so với mặt cắt ngang đê; khu vực hạ lưu cống đã bị xói lở nghiêm trọng, lấn sâu vào từ (5-7)m.
3	Hữu Thái Bình	K47+632 Cống Đa Vàng	X. Chí Minh	Cống mới xây dựng chưa qua thử thách
4	Hữu Thái Bình	K24+860 Cống xã TB tiêu	P. Tân Hưng	Cống đang thi công, cần được quan tâm theo dõi, sẵn sàng phương án để đảm bảo an toàn cho công trình và tuyến đê.
5	Hữu Thái Bình	K44+670-K44+715; K44+585-K44+635 Kè Thanh Kỳ	X. Chí Minh	Đầu các năm 2024, 2025 đoạn từ K44+670-K44+715 đã bị sạt lở, điểm sạt sâu nhất vào hết cơ kè, đến chân khay kè, cung sạt dài 10m, sạt sâu vào bờ sông 2m, cách chân đê phía sông 28m. Đầu năm 2026 tiếp tục sạt lở đoạn từ K44+585-K44+635, sạt sâu vào bờ sông 2m, cách chân đê phía sông 24-28m.
6	Hữu Rạng	K21+060-K21+270 Kè Thanh Xuân	X. Hà Nam	Hiện trạng kè có diễn biến bong xô đá, sạt tụt cơ kè.
7	Hữu Rạng	K5+050 Cống Thân	X. Hà Bắc	Cống được xây dựng từ lâu, hiện đã xuống cấp, cần xây dựng mới.
8	Hữu Rạng	K14+200 Cống Đò Giải	X. Hà Nam	Cống được xây dựng từ lâu, hiện đã xuống cấp, cần xây dựng mới.
9	Tả Rạng	K16+622 Cống Sông Đồn	X. An Thành	Cống xây dựng năm 1963, cống bị nứt đáy, tường thân, đã xử lý bằng khớp nối, hiện tại vết nứt vẫn chưa ổn định, có chuyển vị.
10	Tả Thái Bình	K19+600-K19+780 Kè Hùng Thắng	X. Thái Tân	Kè nằm trên khu vực địa chất yếu, nằm ở vị trí cuối của đoạn sông cong, dòng chủ lưu có lưu tốc lớn áp sát, gây sạt lở mạnh. Hiện kè vẫn đang có diễn biến sạt lở.
11	Tả Thái Bình	K23+278 Cống Thượng Đạt	X. Thành Đông	Cống được xây dựng từ lâu, cống ngắn, mái cống phía sông rất dốc. Có nguy cơ sạt mái cống phía sông khi có lũ.
12	Tả Thái Bình	K35+300 Lỗ rò Tiền Tiên	X. Nam Đồng	Trong đợt lũ sau bão số 3 năm 2024, xuất hiện lỗ rò tại K35+300 đường kính 20cm, điểm rò sát chân mái đê và mặt cơ đê, đã được xử lý giờ đầu bằng phương pháp lọc ngược.

TT	Tỉnh/tuyên	Vị trí Km-Km/ Tên công trình	Xã/Phường	Nội dung xác định trọng điểm
13	Tả Thái Bình	K48+800-K49+000 Chống tràn	X. Thanh Hà	Trong đợt lũ sau bão số 3 năm 2024, đỉnh lũ cách mặt đê tại vị trí K49+100 khảng 0,75m và đoạn đê đã phải đắp con trạch đê chống tràn. Hiện tại đoạn đê cao trình đoạn đê này còn thấp, thiếu cao trình đê thiết kế trung bình (0,36-0,43)m.
14	Hữu Kinh Thầy	K4+885 Cống Ngô Đồng	X. Hợp Tiến	Cống xây dựng năm 1985, sân tiêu năng phía thượng, hạ lưu cống bị xói lở, mái thượng lưu cống dốc, dễ bị sạt tụt và đùn sủi qua đáy kênh khi có lũ.
15	Hữu Kinh Thầy	K21+535-K21+615 Kè Xạ Sơn	X. Nam An Phụ	Khu vực hạ lưu mô hàn số III tương ứng K21+526-K21-610 dài 84m xuất hiện sạt lở bờ sông với cung sạt dài 84m, lấn sâu vào bãi từ (5-6)m, hiện nay đã sạt vào hành lang chân đê, điểm gần nhất cách chân đê 18m. Vị trí từ K21+338-K21+526 dài 188m cũng đang có diễn biến sạt lở, điểm gần nhất cách chân đê 21m.
16	Hữu Kinh Thầy	K32+681 Cống Bến Triều	X. Bắc An Phụ	Cống được xây dựng từ năm 1964, khẩu độ (1,9x2,0)m; cống đã xuống cấp; nền cống bị xói mòn; thân cống ngắn so với mặt cắt ngang đê, mái thượng, hạ lưu cống dốc đứng, có hiện tượng nước rò qua mang cống.
17	Tả Kinh Thầy	K3+423 Cống Kỳ Đặc	P. Chí Linh	Cống được xây dựng từ năm 1954, cống hộp 3 cửa, khẩu độ (1,64x1,9)m, đã hoành triệt 2 cửa bên, cao độ đáy cống (-1,1)m, cống ngắn được nối dài, kết cấu bê tông trong lòng cống xuống cấp, sân tiêu năng thượng, hạ lưu bị xói sâu.
18	Tả Kinh Thầy	K17+478 Cống Vạn Thắng	P. Lê Đại Hành	Cống được xây dựng từ năm 1957, cống hộp 2 cửa, khẩu độ (1,6x2,55)m, cống ngắn, kết cấu bê tông trong lòng cống xuống cấp, sân tiêu năng thượng, hạ lưu bị xói sâu.
19	Hữu Kinh Môn	K4+200-K4+500 Kè Bộ Hồ	X. Lai Khê	Hiện trạng là kè đất, năm 2010 có diễn biến sạt lở được xử lý bằng biện pháp thả cụm cây gây bồi lắng.
20	Hữu Kinh Môn	K18+091 Cống Lương Xá	X. Phú Thái	Cống được xây dựng từ lâu, các khớp nối của cống bằng vữa xây có liên kết kém, có hiện tượng chuyển vị giữa các khớp nối.
21	Tả Lai Vu	K3+170-K3+370; K4+410- K4+434 Bờ lở Lai Vu	X. Lai Khê	Dòng chủ lưu áp sát bờ, địa chất nền xấu, đang có diễn biến sạt lở, vị trí gần nhất cách chân đê 20m.
22	Tả Cẩm	K0+950 Cống Trà Tre	X. Việt Khê	Cống ngắn, xuống cấp, không đảm bảo an toàn trong lũ.
23	Tả Cẩm	K2+714 Cống Đội 6	X. Việt Khê	Cống ngắn, nứt gãy tường quặt, xói lở mang, không đảm bảo an toàn trong lũ.
24	Tả Cẩm	K3+970 Cống Đội 5A	X. Việt Khê	Cống xây dựng từ lâu, xói lở mang; dàn van bị nứt, bong tróc; cánh van bị ăn mòn, rò rỉ nước.

TT	Tỉnh/tuyên	Vị trí Km-Km/ Tên công trình	Xã/Phường	Nội dung xác định trọng điểm
25	Tả Cẩm	K8+410 Cống Tây	P. Thủy Nguyên	Cống xây dựng từ lâu, xói lở mang; không có dàn van, cánh cống.
26	Tả Cẩm	K23+000-K24+250	P. Thủy Nguyên	Đê và cống đang trong quá trình xây dựng, cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, đề phòng các sự cố có thể xảy ra.
27	Hữu Cẩm	K10+175 Cống Lò Ngói	X. Hồng An	Cống xây dựng từ lâu, xuống cấp, rò nước giữa các đốt cống, không đảm bảo an toàn trong lũ.
28	Tả Lạch Tray	K9+983 Cống Kiều Hạ I	X. An Dương	Cống xây dựng từ lâu, đỉnh cống bị nứt, sân trước và sân sau cống hư hỏng, không đảm bảo an toàn trong lũ.
29	Tả Lạch Tray	K11+750 Cống Đồng Quan	X. An Dương	Cống bằng gạch xây, cống ngấn, xói lở mang cống, không đảm bảo an toàn trong lũ.
30	Tả Lạch Tray	K13+592 Cống Cái Độc	X. An Hải	Cống ngấn, xói sân tiêu năng, rò mang cống.
31	Tả Lạch Tray	K17+213 Cống Hoàng Mai 1	X. An Hải	Cống cũ, nứt gãy sân tiêu năng phía sông, xói lở đất mang cống phía sông.
32	Hữu Lạch Tray	K14+000 Cống Đồng Sim	X. An Lão	Cống xây dựng đã lâu, sạt mang cống, xói lở tiêu năng, không đảm bảo an toàn trong lũ.
33	Tả Văn Úc	K8+060 Cống Ngô	X. An Quang	Cống xuống cấp xói lở mang cống, hư hỏng bề tiêu năng, không đảm bảo an toàn trong lũ.
34	Tả Văn Úc	K9+330 Cống Muối	X. An Quang	Cống ngấn, không có sân tiêu năng, tường quặt sứt sạt.
35	Tả Văn Úc	K11+750 Cống Cầu Đông	X. An Quang	Thân cống rò rỉ, tường quặt cống sứt sạt. Không có sân tiêu năng.
36	Tả Thái Bình	K18+723 Cống Cơm	X. Tân Minh	Hiện tại, đáy cống bị nứt gãy, xuất hiện nước chảy xuyên mang.
37	Tả Hóa	K23+784 Cống Hà Dương	X. Vĩnh Bảo	Cống xây dựng từ lâu, sửa chữa nhiều lần, xuống cấp, không đảm bảo an toàn trong lũ.
38	Tả Hóa	K29+113 Cống Đông Am 1	X. Vĩnh Bảo	Cống quá cũ và ngấn, hỏng tường quặt, sân tiêu năng phía sông, đồng bị xói lở, dàn công tác hỏng.
39	Tả Hóa	K30+361 Cống Đông Am 2	X. Vĩnh Bảo	Cống xuống cấp xói lở mang cống, hư hỏng bề tiêu năng, không đảm bảo an toàn trong lũ.
40	Tả Hóa	K30+876 Cống Thượng Cổ Am	X. Vĩnh Bảo	Nứt gãy tường cánh phía sông, xói lở mang cống, gãy xói tiêu năng; dàn van, cánh van kém.

TT	Tỉnh/tuyến	Vị trí Km-Km/ Tên công trình	Xã/Phường	Nội dung xác định trọng điểm
V	HƯNG YÊN			
1	Tả Hồng	K114+000 - K121+500 Kè và đê bồi Phú Hùng Cường	P. Sơn Nam	Dòng chảy diễn biến phức tạp, kè xảy ra nhiều sự cố sạt lở bãi. Cần có phương án bảo vệ, theo dõi khi có lũ.
2	Tả Hồng	K83+450 - K83+570 Kè Phi Liệt	X. Văn Giang	Kè sát đê chính, dòng chảy áp sát bờ kè, nhiều năm qua được tu bổ, sửa chữa những vị trí sạt lở. Khi lũ lên cao có nguy cơ sạt lở mái kè.
3	Tả Hồng	K83+800 Cống qua đê trạm bơm Liên Nghĩa	X. Văn Giang	Năm 2018 cống xuất hiện hiện tượng rò rỉ khớp nối cống xả ở chân đê phía đồng và đoạn gần bể xả; năm 2020 sạt chân kè và cơ kè xếp rọ đá bảo vệ cửa kênh xả ra sông Hồng, đã xử lý. Cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, đề phòng các sự cố về cống.
4	Tả Hồng	K92+000 - K93+700 Kè Hàm Tử	X. Triệu Việt Vương	Kè xây dựng từ lâu chưa được tu bổ, sửa chữa. Khi lũ lên cao có nguy cơ sạt lở mái kè.
5	Tả Hồng	K101+230 Cống Liên Khê	X. Khoái Châu	Cống xây dựng năm 2021, đã thử thách với lũ năm 2024. Cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, đề phòng các sự cố về cống.
6	Tả Hồng	K104+330 Cống trạm bơm Nghi Xuyên	X. Chí Minh	Cống xây dựng năm 2014. Năm 2018 xuất hiện hiện tượng rò rỉ khớp nối giữa cống và bể xả ở chân đê phía đồng, năm 2020 sạt chân kè và cơ kè bảo vệ cửa kênh xả ra sông Hồng, đã xử lý. Cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, đề phòng các sự cố về cống.
7	Tả Hồng	K127+000 Cửa khẩu Dốc Đá	P. Hồng Châu	Cửa khẩu có khẩu độ lớn, cần được theo dõi, kiểm tra, sẵn sàng phương án vận hành khi có lũ.
8	Tả Hồng	K132+800 Cống trạm bơm Tân Hưng	X. Tân Hưng	Cống xây dựng năm 2019. Đợt lũ tháng 9/2024 nước sông Hồng vượt BĐIII 50cm nước rò rỉ qua khe phai cánh cống phía sông vào kênh, bể xả trạm bơm gây rò rỉ nước vị trí tiếp giáp giữa bể xả và kênh xả phía bờ hữu trạm bơm. Cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, đề phòng các sự cố về cống.
9	Tả Hồng Hà I	K139+300 - K140+300 Đê Nhật Tảo	X. Long Hưng	Mặt thoáng rộng, đê chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi hướng gió, hàng tre chắn sóng không đảm bảo, chất lượng đắp đê kém, sát chân đê phía đồng là ruộng trũng, do vậy, khi lũ sông Hồng vượt báo động III, kéo dài nhiều ngày nguy cơ sạt, trượt mái đê.
10	Tả Hồng Hà I	K133+000 - K133+270 Kè Lão Khê	X. Long Hưng	Kè lát mái hộ bờ nằm ở bờ lõm ngay cửa vào của sông Luộc, bãi hẹp, một số vị trí kè xô tụt đá và có diễn biến sạt lở.
11	Tả Hồng Hà I	K134+550 - K135+400 Kè Hà Xá	X. Long Hưng	Kè xây dựng từ lâu chưa được tu bổ, sửa chữa; khi lũ lên cao có nguy cơ sạt lở mái kè.

TT	Tỉnh/tuyến	Vị trí Km-Km/ Tên công trình	Xã/Phường	Nội dung xác định trọng điểm
12	Tả Hồng Hà I	K141+000 - K142+000 Bãi lở Nhật Tảo	X. Long Hưng	Khu vực bãi phía thượng lưu và phần đầu kè đang có diễn biến sạt lở, đường lạch sâu chuyển dần vào chân bãi, làm xói lở chân bãi, gây sạt lở, xô tụt bờ bãi và đang có xu hướng tịnh tiến vào chân đê.
13	Tả Hồng Hà I	K143+800 - K144+500 Đê Hồng Hà I	X. Lê Quý Đôn	Đê đắp bằng đất không đồng chất, đắp qua lỗ vỡ năm 1945. Nền đê là đất pha cát, khi có lũ, ngâm lâu nguy cơ xuất hiện mạch đùn, mạch sủi.
14	Tả Hồng Hà II	K193+100 - K198+500 Đê Bình Thanh, Bình Định	X. Bình Thanh, X. Bình Định	Chân đê phía đông là ruộng lúa, chân đê phía sông là dân cư sinh sống đông đúc và còn nhiều đầm ao sâu. Mái đê dốc, mái trong và mái ngoài bị sạt lở và lún xén cục bộ, có đoạn không còn mái đê, thân đê là đất thịt, nền đê là đất thịt pha cát. Cao trình mặt đê hiện tại thấp hơn so với cao trình mặt đê thiết kế từ (0,6-1,1)m.
15	Tả Hồng Hà II	K150+300 Cống An Điện	X. Vạn Xuân	Cống được xây dựng ở khu vực có tầng địa chất nền xấu là lớp cát bồi khá dày, tiền sử khi lũ lớn đã xuất hiện mạch đùn, mạch sủi trong vùng đê bồi Hồng Lý. Cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, đề phòng các sự cố về cống.
16	Tả Hồng Hà II	K156+450 - K156+900 Kè Hướng Điền	X. Vạn Xuân	Kè nằm phía bờ lõm, bãi đỉnh kè hẹp, có đoạn mái kè là mái đê, phía thượng lưu kè lở chậm, mùa lũ dòng chảy chủ lưu ép sát chân, mái kè. Có hiện tượng dòng chảy xoáy gây xói chân kè, mái kè xô tụt mất đá cục bộ, đường lạch sâu có xu hướng lún vào chân kè.
17	Tả Hồng Hà II	K157+700 - K157+900 Kè Hướng Điền	X. Vũ Thư	Kè nằm phía bờ lõm, bãi đỉnh kè hẹp, có đoạn mái kè là mái đê, phía thượng lưu kè lở chậm, mùa lũ dòng chảy chủ lưu ép sát chân, mái kè. Có hiện tượng dòng chảy xoáy gây xói chân kè, mái kè xô tụt mất đá cục bộ, đường lạch sâu có xu hướng lún vào chân kè.
18	Tả Hồng Hà II	K165+850 - K166+100 Kè Đại An	X. Tân Thuận	Mùa lũ dòng chảy chủ lưu ép sát chân, mái kè. Có hiện tượng dòng chảy xoáy gây xói chân kè, mái kè xô tụt mất đá cục bộ, đường lạch sâu có xu hướng lún vào chân kè.
19	Tả Hồng Hà II	K183+000 - K184+410 Bãi lở Vũ Vân	X. Thư Vũ	Khu vực bãi đang có diễn biến sạt lở, đường lạch sâu chuyển dần vào chân bãi, làm xói lở chân bãi, gây sạt lở, xô tụt bờ bãi.
20	Tả Hồng Hà II	K187+700 Cống Mộ Đạo	X. Hồng Vũ	Cống đang thi công. Cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, sẵn sàng phương án bảo vệ khi có lũ.
21	Tả Trà Lý	K0+800 - K2+160 Kè Hồng Phong	X. Hồng Minh	Kè được xây dựng từ lâu chưa được tu bổ, sửa chữa. Đá bị mất và xô tụt, mái kè dốc $m \leq 1.5$. Nước chảy xoáy cuộn dòng chủ lưu chảy áp sát mái kè, chân kè tạo thành những hố xói cục bộ.

TT	Tỉnh/tuyến	Vị trí Km-Km/ Tên công trình	Xã/Phường	Nội dung xác định trọng điểm
22	Tả Trà Lý	K6+600 - K10+400 Đê tả Trà Lý	X. Tiên Hưng	Thân đê đắp bằng đất thịt pha sét. Thường xuất hiện mạch sủi khi có lũ lớn. Thân đê qua nhiều lần đắp áp trúc chất đê không đồng chất. Đoạn đê này nằm trên nền đất có tầng địa chất xấu, lớp cát dày, cho nên khi ngoài sông có lũ vượt báo động II trong đồng xuất hiện nhiều mạch sủi.
23	Tả Trà Lý	K12+100 - K13+200; K14+550 - K15+900; K16+400 - K16+700; K17+800 - K19+700 Đê Tả Trà Lý K13+200 - K13+600 Bãi lở cuối kè An Lập	X. Nam Tiên Hưng	Thân đê đắp bằng đất thịt pha cát. Phía trong đồng là ruộng trũng, bãi phía sông hẹp, có đoạn không có tre chắn sóng. Khi có lũ cao, nguy cơ sạt lở mái đê phía sông và có khả năng xuất hiện mạch đùn, mạch sủi. Bãi lở cuối kè An Lập bãi hẹp từ (12-20)m, dài 400m có diễn biến sạt lở sâu vào bãi.
24	Tả Trà Lý	K21+800 - K23+400 Đê, kè Phương Cúc	P. Trà Lý	Kè nằm ở phía bờ lồm của đoạn sông cong. Những năm gần đây do dòng chảy chủ lưu áp sát vào kè dẫn đến đường lạch sâu tiến sát vào đê, gây ra xói lở kè. Bãi hẹp có đoạn không có tre chắn sóng, mái kè là mái đê.
25	Tả Trà Lý	K33+017 - K33+100 Kè Sa Cát	P. Trà Lý	Kè đã xuống cấp, nhưng chưa được sửa chữa. Đường lạch sâu đi sát chân kè, đoạn bãi cuối kè bị sạt lở thành cung dài tụt xuống so với mặt bãi từ (1,0-1,2)m, cách chân đê 4m.
26	Tả Trà Lý	K44+000 - K44+100 Kè Thuyền Quan	X. Tây Thái Ninh	Dòng chủ lưu áp sát chân kè. Bãi cuối kè có diễn biến lở mặt bãi nhẹ, lún sâu vào chân đê từ (0,2-0,5)m. Có đoạn bãi phía sông hẹp, mái kè là mái đê.
27	Tả Trà Lý	K48+800 - K48+900 Kè Phúc Tân	X. Bắc Thái Ninh	Phía trong đồng là khu đồng trũng, bãi phía sông hẹp. Kè được xây dựng từ lâu đã bị xuống cấp, phần cơ kè bị lún sụt, nhiều năm vẫn chưa được tu sửa, nâng cấp. Dòng chủ lưu đi sát chân kè, dễ gây sạt trượt kè trong mùa mưa bão.
28	Hữu Trà Lý	K4+050 - K4+200 Kè Cự Lâm	X. Vạn Xuân	Đoạn cuối kè xây dựng từ lâu, nhiều năm gần đây bị sạt lở, nhiều đoạn đã mất đá cơ kè, phần đỉnh kè gần sát chân đê từ (2-3)m, dòng chảy chủ lưu áp sát chân kè.
29	Hữu Trà Lý	K7+800 - K8+050 Kè Phương Cáp	X. Thư Trì	Đoạn đầu kè xây dựng từ lâu, nhiều năm gần đây đã bị sạt lở, nhiều đoạn đã mất đá, phần đỉnh kè bị lở lún vào chân đê từ (2-3)m, dòng chảy chủ lưu áp sát chân kè. Khi có lũ nguy cơ xảy ra sạt lở mái kè.
30	Hữu Trà Lý	K10+010 - K10+350 Kè Ngoại Lãng	X. Thư Trì	Đoạn cuối kè đã được xây dựng từ lâu qua nhiều năm nay đã bị sạt lở, nhiều đoạn đã mất đá hoàn toàn chưa được tu bổ sửa chữa, phần cuối kè đã bị lở lún vào chân bãi, dòng xoáy sát chân kè, có đoạn đỉnh kè cách chân đê khoảng từ (3-5)m, có đoạn cơ kè đã bị sạt lở và mái kè đã bị xô tụt. Khi có lũ nguy cơ xảy ra sạt lở mái kè.

TT	Tỉnh/tuyên	Vị trí Km-Km/ Tên công trình	Xã/Phường	Nội dung xác định trọng điểm
31	Hữu Trà Lý	K12+890 - K13+000 Kè Sứ Hăng	X. Thư Trì	Đoạn kè xây dựng từ lâu, nhiều năm gần đây đã bị sạt lở, nhiều đoạn đã mất đá, phần đỉnh kè bị lở lún vào chân đê từ (2-3)m, dòng chảy chủ lưu áp sát chân kè. Khi có lũ lên cao nguy cơ xảy ra sạt lở mái kè.
32	Hữu Trà Lý	K13+000 - K13+300 Kè Sứ Hăng	P. Thái Bình	Kè xây dựng từ lâu, kè sát đê, nhiều đoạn đã mất đá, dòng chảy chủ lưu áp sát chân kè. Khi có lũ lên cao nguy cơ xảy ra sạt lở mái kè.
33	Hữu Trà Lý	K17+330 - K17+530 Kè Tân Thành III	X. Phúc Thành	Đoạn kè xây dựng từ lâu, kè sát đê, mái kè, khung dầm bị sạt lở, nhiều đoạn đã mất đá, dòng chảy chủ lưu áp sát chân kè. Khi có lũ lên cao nguy cơ xảy ra sạt lở mái kè.
34	Hữu Trà Lý	K29+400 - K29+550 Kè Vũ Đông I	P. Trần Lãm	Kè xây dựng từ lâu, bãi hẹp, đoạn cuối kè xô tụt đá và bị sạt lở, chưa được sửa chữa. Khi có lũ nguy cơ gây sạt lở mái kè.
35	Hữu Trà Lý	K37+700 Cống Cú	X. Trà Giang	Cống ngắn so với mặt cắt đê; thân, nền, vòm cống cũ xây bằng gạch. Giữa phần nói dài mới và phần cống cũ, giữa thân và nền lún không đều, hai mang cống hạ lưu sạt lở đứng chân lún vào mái đê. Cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, đề phòng các sự cố cống.
36	Hữu Trà Lý	K40+000 Cống Đắc Chúng	X. Trà Giang	Cống được xây dựng từ lâu, do bị xâm thực mạn và cống lún không đều nên vòm cống hạ lưu bị nứt dọc, nứt tường cánh hạ lưu, mái đá kênh dẫn hạ lưu xô tụt cục bộ, kênh dẫn thượng lưu bị sạt lở lún sâu vào đê. Cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, đề phòng các sự cố cống.
37	Hữu Trà Lý	K42+700 Cống Diệm Dương	X. Trà Giang	Cống ngắn, xây dựng từ lâu, cống lún không đều, thân và nền cống bị nứt khoan bí rộng từ (3-5)cm. Cần được theo dõi chặt chẽ trong mùa lũ, bão.
38	Hữu Trà Lý	K39+530 - K39+990 Kè Đò Gồ	X. Trà Giang	Kè nằm về phía bờ lõm đoạn sông cong mặt cắt thoát lũ nhỏ có dòng chảy xoáy vận tốc dòng đáy lớn chảy thúc thẳng vào kè. Đường lạch sâu có xu thế dịch chuyển tịnh tiến về phía chân kè. Nhiều chỗ đá mái kè bị xô tụt, đặc biệt ở phía thượng lưu nhiều điểm không còn đá lát mái kè.
39	Hữu Trà Lý	K40+640 - K41+090 Kè Trà Giang	X. Trà Giang	Đoạn đầu kè nằm về phía bờ lõm đoạn sông cong có dòng chảy xoáy vận tốc dòng đáy lớn chảy thúc thẳng vào kè, đường lạch sâu dịch chuyển tịnh tiến vào chân kè. Đá lát mái kè đoạn này hầu hết là không còn, bị sạt lở lún sâu vào bờ, bãi đầu kè từ 0,3 đến 0,5m.
40	Tả Luộc	K4+380 Cống TB Triều Dương	X. Tiên Lữ	Cống xây dựng năm 2022, đã thử thách với lũ năm 2024. Cần được theo dõi chặt chẽ trong mùa lũ, bão.
41	Tả Luộc	K9+700 - K9+800 Kè Mai Xá	X. Tiên Hoa	Kè nằm ở khu vực đoạn sông cong, chế độ dòng chảy phức tạp, kè sát đê chính, dòng chủ lưu áp sát kè, các năm 2020, 2023 xuất hiện sự cố, đã được xử lý. Cần được theo dõi chặt chẽ khi có lũ.

TT	Tỉnh/tuyến	Vị trí Km-Km/ Tên công trình	Xã/Phường	Nội dung xác định trọng điểm
42	Tả Luộc	K12+010 Cống Vông Phan	X. Tổng Chân	Năm 2022 kênh dẫn phía thượng lưu xuất hiện sự cố sạt, đã xử lý. Tháng 9/2024, lũ sông Luộc vượt BĐII 40cm, nước rò rỉ qua khe phai và tràn qua đỉnh cánh cống. Cần được theo dõi chặt chẽ trong mùa lũ, bão.
43	Hữu Luộc	K14+100 - K14+280 Kè Việt Yên	X. Diên Hà	Đường lạch sâu dịch chuyển dần vào chân bãi, làm xói lở chân bãi, gây sạt lở, xô tụt bờ bãi. Phần mái kè và cơ kè bị xô. Hiện tại khu vực bãi phía thượng lưu bị xói lở nghiêm trọng đang có xu hướng tiến sát vào chân đê, phần mái kè và cơ kè từ đoạn K14+100 đến K14+250 bị xô tụt.
44	Hữu Luộc	K28+950 - K29+450 Kè Đại Nấm	X. Minh Thọ	Kè nằm ở đoạn sông cong, dòng chủ lưu áp sát chân kè, khi có lũ lớn gây xói lở chân kè, nguy cơ sạt lở kè.
45	Hữu Hóa	K4+700 - K4+800 Thảm lậu mái đê	X. Đồng Bằng	Phía đồng là ruộng trũng, thân đê có nhiều lỗ rỗng. Địa chất nền đê xấu, đất đắp đê là đất thịt pha sa bồi. Khi có lũ, nguy cơ xuất hiện thảm lậu mái đê.
46	Hữu Hóa	K13+330 - K13+360 Kè Tô Trang	X. Phụ Dực	Kè được xây dựng từ lâu, nhiều đoạn chưa được tu bổ, sửa chữa. Đường lạch sâu có xu thế tiến vào trong so với các năm trước.
47	Hữu Hóa	K21+750 Cống Đồng Đồi	X. Bắc Thụy Anh	Cống đang thi công hoàn thành trong năm 2026, chưa qua thử thách trong mùa lũ nên cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, đề phòng các sự cố về cống.
48	Hữu Hóa	K24+220 - K24+320 Đê Hữu Hóa	X. Bắc Thụy Anh	Mặt thoáng rộng, không có cây chắn sóng, sát chân đê phía đồng là đầm ao trũng. Khi mưa lũ kéo dài đã làm mái đê phía đồng bị sạt lở khoảng 40m, đã được xử lý.
49	Đê biển 5	K7+610-K7+900 Đê cửa sông tả Hồng Hà; K0+260 - K0+450; K1+540 - K1+680 Đê biển 5	X. Hưng Phú	Phía đồng là kênh mương, đầm ao sâu, mái đê phía đồng là mái đất có độ dốc $mđ \leq 2$. Khi có bão kết hợp triều cường làm nước tràn qua đê hoặc mưa lớn kéo dài, nguy cơ gây ra sạt trượt mái đê phía đồng.
50	Đê biển 5	K0+240 Cống Doãn Đông	X. Hưng Phú	Cống đang thi công hoàn thành trong năm 2026, chưa qua thử thách trong mùa lũ nên cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, đề phòng các sự cố về cống.
51	Đê biển 6	K16+255 - K16+355 Đê biển 6	X. Đông Minh	Sát chân phía đồng là kênh, đầm và ao, mái đê phía đồng là mái đê đất, dốc, chân phía biển là khu vực âu thuyền có bãi cao và là đầm nuôi thủy sản, nền và thân đê được đắp bằng đất pha cát. Mái đê bê tông một số đoạn đã bị tách khỏi mặt đê và lún xuống, khi mưa lớn kéo dài nước chảy qua khe lún mang theo đất trong thân đê dễ gây ra sạt trượt mái đê. □

TT	Tỉnh/tuyến	Vị trí Km-Km/ Tên công trình	Xã/Phường	Nội dung xác định trọng điểm
52	Đê cửa sông tả Hồng Hà	K0+600 - K1+000; K1+010 - K1+040; K4+000 - K4+050; K4+150 - K4+250 Đê cửa sông Tả Hồng	X. Nam Tiền Hải	Nền đê là lớp đất thịt pha sa bồi, thân đê được đắp bằng đất thịt pha cát. Cao trình mặt đê từ K0+600 - K1+000 hiện tại thấp hơn so với cao trình mặt đê thiết kế. Đoạn từ K1+010 - K1+040; K4 - K4+050; K4+150 - K4+250 chân đê phía đồng là đầm ao, chân đê phía sông là bãi và ruộng lúa, mái đê phía đồng là mái đất có độ dốc $m \leq 2$.
53	Đê cửa sông tả Hồng	K6+300 - K6+500 Kè Nam Hồng	X. Nam Tiền Hải	Kè được xây dựng từ lâu, nhiều đoạn chưa được tu bổ, sửa chữa. Đường lạch sâu có xu thế tiến vào trong so với các năm trước. Nguy cơ sạt lở mái kè.
54	Đê cửa sông hữu Trà Lý	K9+897 Cống Định Cư	X. Đông Tiền Hải	Cống đang thi công hoàn thành trong năm 2026, chưa qua thử thách trong mùa lũ nên cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, đề phòng các sự cố về cống.
55	Đê cửa sông hữu Trà Lý	K10+500 - K10+570; K11+250 - K11+265 Đê cửa sông hữu Trà Lý	X. Đông Tiền Hải	Phía sông là bãi, không có cây chắn sóng. Phía đồng là đầm ao, ruộng lúa sát chân đê, mái đê và chân đê bị xói lở. Nguy cơ sạt lở mái đê phía đồng.
56	Đê cửa sông hữu Hóa	K6+100 Cống Cao Cỗ	X. Đông Thụy Anh	Cống đang thi công hoàn thành trong năm 2026, chưa qua thử thách trong mùa lũ nên cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, đề phòng các sự cố về cống.
VI	QUẢNG NINH			
1	Hà Nam	K10+000 - K15+000	P. Liên Hòa	Vị trí tuyến tiếp giáp trực diện với vùng biển vịnh Hạ Long, đà gió dài, trường hợp gặp sự cố vượt tần suất thiết kế có khả năng tràn đê.
2	Hà Nam	K20+240 - K23+000	P. Liên Hòa	Vị trí tuyến sát sông Rút, bãi chân đê hẹp, cây chắn sóng thưa (có vị trí không thể trồng được cây chắn sóng) nên khả năng chống bão kém hơn các vị trí khác.
VII	HÀ NỘI			
1	Tả Đuống	K0+000 - K2+000 Đê, kè, cống Xuân Canh - Long Tửu	X. Đông Anh	Khu vực đê sát sông, mái kè là mái đê, chiều cao đê lớn. Vị trí cửa vào sông Đuống có dòng chảy phức tạp, sông hẹp, nước chảy xiết và sát chân và mái kè; trong khu vực còn có cống lấy nước Long Tửu là công trình xây dựng năm 1962, đáy cống thấp. Khu vực này những năm vừa qua thường xuyên xảy ra sự cố lún sụt, nứt, trượt mái đê, kè.
2	Hữu Hồng	K78+108 Cống Yên Sở giai đoạn I	P. Lĩnh Nam	Năm 2024, một số vị trí khớp nối của cống được xây dựng trong giai đoạn I xuất hiện các vết nứt từ (2-2,5)cm; đồng thời, xuất hiện mạch sủi tại vị trí phía trên đỉnh cống (phía trên sân bóng, cách bề điều áp khoảng 60m), hiện đã được xử lý tạm thời bằng biện pháp làm giếng cân bằng.
3	Hữu Hồng	K53+450 Cống Liên Mạc	P. Đông Ngạc	Cống lớn, xây dựng năm 1938, đáy cống ở cao trình thấp, cống đã xuất hiện một số hư hỏng nứt, lún, thấm.

TT	Tỉnh/tuyến	Vị trí Km-Km/ Tên công trình	Xã/Phường	Nội dung xác định trọng điểm
4	Vân Cốc	K1+700 Cống Cẩm Đình	X. Phúc Lộc	Năm 2016, 2017 đã xảy ra sự cố xuất hiện mạch đùn, sủi tại mang cống và sân thượng lưu và bề tiêu năng, kênh dẫn hạ lưu cống. Hiện nay, cống đã được gia cố sửa chữa nhưng chưa làm việc trong điều kiện có lũ cao nên cần được theo dõi chặt chẽ, kiểm tra thường xuyên, đề phòng các sự cố cống.
5	Hữu Cầu	K17+000 - K28+828	X.Trung Giã, X. Đa Phúc	Đoạn đê có địa chất nền, thân đê yếu, thường xảy ra các sự cố về mùa mưa bão khi mực nước sông lên cao từ BĐ II (+7.0) trở lên. Liên tiếp trong các năm 2018, 2020, 2023, 2024, 2025 đã xảy ra sự cố lún sụt, nứt mặt đê nghiêm trọng tại K25+650-K25+750, sự cố đùn sủi phía đông tương ứng K24+000, K24+300. Hiện nay đoạn đê này đang được triển khai thi công tu bổ, nâng cấp, ngoài ra còn có 3 cống qua đê Tân Hưng, Cẩm Hà 1, Tăng Long trên tuyến cũng đã được triển khai xây dựng mới thay thế cống cũ. Cần theo dõi chặt chẽ và xây dựng phương án bảo vệ trong mùa mưa lũ năm 2026.
6	Hữu Đà	K4+100 - K5+700 Kè Khê Thượng	X. Bất Bạt	Hiện tại chân kè đã bị xói sâu do dòng chủ lưu áp sát mái, chân kè. Khi có lũ cao, có thể xảy ra sạt trượt mái đê và sự cố đối với công trạm bơm Sơn Đà.
7	Hữu Hồng	K4+000 - K8+600 Đê, kè Cổ Đô	X. Cổ Đô	Đây là đoạn hạ lưu khu vực hợp lưu sông Hồng, sông Thao, chế độ thủy lực phức tạp; đê sát sông, mái kè cũng là mái đê, dòng chủ lưu áp sát kè. Trong lũ cần tiếp tục theo dõi chặt chẽ, chủ động phương án ứng phó, đảm bảo an toàn tuyến đê.
8	Hữu Hồng	K21+500 - K22+800 Kè Chu Minh	X. Quảng Oai	Thuộc phạm vi dự án xử lý cấp bách chống sạt lở đang triển khai thi công. Năm 2018 xảy ra nhiều điểm sạt lở gần đê đã được khắc phục. Tuy nhiên lòng sông khu vực này dòng chảy biến đổi phức tạp, tác động bất lợi đến ổn định công trình.
9	Hữu Hồng	K27+330 - K29+580	P. Sơn Tây	Đoạn đê có địa chất nền, thân đê yếu thường xảy ra sự cố sạt trượt mái đê, nứt đê về mùa mưa bão khi mực sông lên cao. Năm 2025 đã xảy ra sự cố tại các vị trí K27+330-K27+365, K27+390-K27+400, K29+250-K29+420, K29+555-K29+580 đê hữu Hồng. Hiện đã được khắc phục, xử lý sự cố, cần theo dõi chặt chẽ và chủ động phương án ứng phó, đảm bảo an toàn tuyến đê.
10	Hữu Hồng	K32+000 - K35+000 Đê Sen Chiểu	X. Phúc Lộc	Đê nằm trên lòng sông cổ thường xảy ra mạch đùn, mạch sủi khi mực nước sông từ BĐI trở lên. Năm 1998, xuất hiện vết nứt ngang đê từ kè Linh Chiểu vào phía trong đồng từ K33+000-K33+100, năm 2018 cũng đã xảy ra sự cố sạt cơ kè từ K32+550-K32+600.

TT	Tỉnh/tuyến	Vị trí Km-Km/ Tên công trình	Xã/Phường	Nội dung xác định trọng điểm
11	Hữu Hồng	K44+200 - K47+800 Kè Liên Trì	X. Ô Diên	Tháng 4/2021, tại khu vực K46+160 đã xảy ra sự cố nứt đê, đường hành lang chân đê phía sông, hiện đã cơ bản hoàn thành việc xử lý khắc phục sự cố (còn tồn tại hạng mục khoan phụt vữa), đang tiếp tục thi công gia cố kè hộ chân. Khu vực kè Liên Trì có mái kè sát đê, đã từng xảy ra sự cố nứt dọc theo mái kè, cần theo dõi chặt chẽ trong mùa lũ.
12	Hữu Hồng	K56+260 Cống Phú Thượng	P. Phú Thượng	Cống qua đê bằng đường ống thép bọc bê tông cốt thép đang triển khai thi công cần theo dõi chặt chẽ và xây dựng phương án bảo vệ trong mùa mưa lũ năm 2026.
13	Hữu Hồng	K88+100 - K88+150 Cống trạm bơm Hồng Vân	X. Hồng Vân	Một số khoang cống bị sụt lún, đỉnh cống bị thấm nước hiện đã xử lý khắc phục. Trong đợt mưa lũ sau bão số 3 năm 2024, xảy ra sự cố kênh kẹt cánh cống, nước chảy về phía đồng.
14	Hữu Hồng	K97+300 - K97+450 Khu vực Kè An Cảnh	P. Chương Dương	Một số vị trí mái kè là mái đê, phía hạ lưu có nhiều đầm hồ ao sâu, cần theo dõi chặt chẽ và xây dựng phương án bảo vệ trong mùa mưa lũ năm 2026.
15	Hữu Hồng	K104+589 Cống trạm bơm Thụy Phú II	X. Phú Xuyên	Năm 2024, khi mực nước sông dâng cao trên báo động II đã xảy ra sự cố nước luồn vào bề xả phía sông và qua cửa van cống chảy vào phía đồng. Hiện đã khắc phục sửa chữa cửa van, thay zoăng cao su cửa van và bổ sung phai dự phòng.
16	Vân Cốc	K8+800 - K13+660	X. Liên Minh	Hiện nay đoạn đê này đang triển khai thi công nâng cấp, mở rộng nên cần theo dõi, xây dựng phương án bảo vệ trong mùa mưa lũ năm 2026.
17	Tả Hồng	K48+165 - K64+126	X. Thiên Lộc, X. Vĩnh Thanh, X. Đông Anh	Hiện nay đoạn đê này đang triển khai thi công nâng cấp, mở rộng nên cần theo dõi, xây dựng phương án bảo vệ trong mùa mưa lũ năm 2026.
18	Hữu Đuống	K4+500 - K5+400 Kè Thanh Am - Tỉnh Quang	X. Việt Hưng	Khu vực này là đoạn sông cong bị co hẹp, dòng chủ yếu áp sát bờ hữu, lòng sông bị xói sâu. Năm 2023 đã xảy ra sự cố lún, sụt mái kè. Hiện đoạn kè này đang được triển khai thi công sửa chữa, gia cố kè, cần theo dõi, xây dựng phương án bảo vệ trong mùa mưa lũ năm 2026.
19	Hữu Đuống	K19+550 - K19+620 Kè Sen Hồ	X. Thuận An	Năm 2024, kè hiện trạng đã xảy ra sự cố sạt trượt mái kè, đường đỉnh kè bị sạt lở có nhiều vị trí bị sạt lở đứng. Hiện kè vừa mới hoàn thành thi công xử lý khẩn cấp, cần theo dõi và xây dựng phương án bảo vệ trong mùa mưa lũ năm 2026.
20	Tả Đuống	K8+150 - K9+500 Kè Yên Viên, thượng, hạ lưu Cầu Đuống	X. Phù Đổng	Hiện trạng là kè lát mái hộ bờ, nhà dân, có đường sát đỉnh kè, khu vực này đã xảy ra nhiều sự cố. Trong đó, có một số sự cố đã được xử lý (như sự cố lún cơ kè từ K8+440-K8+527, sự cố sụt cơ và mái kè từ K8+625-K8+635) và có sự cố chưa được xử lý (như sự cố sạt trượt cơ kè từ K9+200-K9+266) nên cần theo dõi chặt chẽ và xây dựng phương án bảo vệ trong mùa mưa lũ năm 2026.

TT	Tỉnh/tuyến	Vị trí Km-Km/ Tên công trình	Xã/Phường	Nội dung xác định trọng điểm
21	Tả Đuống	K17+950 - K18+800 Kè Đổng Viên	X. Phù Đổng	Khu vực đê sát sông, dòng chảy áp sát bờ, mái kè là mái đê, thường xuyên xảy ra sự cố sạt trượt, xô tụt mái kè vào các năm 2017, 2018, 2024 và đã được khắc phục, sửa chữa. Tuy nhiên cần theo dõi, xây dựng phương án bảo vệ trong mùa mưa lũ năm 2026.
22	Tả Cà Lò	K0+000 - K20+252	X. Sóc Sơn, X. Đa Phúc	Hiện nay đoạn đê này đang triển khai thi công nâng cấp, mở rộng nên cần theo dõi, xây dựng phương án bảo vệ trong mùa mưa lũ năm 2026.
23	Hữu Đáy	K5+280 - K5+535	X. Hát Môn	Năm 2025, đoạn đê này đã xảy ra sự cố nứt dọc mặt đê nên cần theo dõi, xây dựng phương án bảo vệ trong mùa mưa lũ năm 2026.
24	Ngọc Tảo	K2+350 - K4+250	X. Phúc Lộc, X. Phúc Thọ	Năm 2025, đoạn đê này đã xảy ra sự cố nứt dọc mặt đê nên cần theo dõi, xây dựng phương án bảo vệ trong mùa mưa lũ năm 2026.
25	Tả Đáy	K19+800 - K26+650	X. Yên Nghĩa	Năm 2024, do ảnh hưởng của bão số 3 đã xảy ra sự cố sạt mái đê tương ứng K21+380-K21+400. Hiện nay đoạn từ K19+800-K22+400 và đoạn từ K23+650-K26+650 đang được triển khai thi công xử lý khắc phục nên cần xây dựng phương án bảo vệ trong mùa mưa lũ năm 2026.
26	Tả Đáy	K40+700 - K43+700	X. Dân Hòa	Hiện nay đoạn đê này đang triển khai thi công nâng cấp, mở rộng nên cần theo dõi, xây dựng phương án bảo vệ trong mùa mưa lũ năm 2026.
27	Tả Đáy	K43+700 - K46+500	X. Ứng Thiên	Hiện nay đoạn đê này đang triển khai thi công nâng cấp, mở rộng nên cần theo dõi, xây dựng phương án bảo vệ trong mùa mưa lũ năm 2026.
VIII	NINH BÌNH			
1	Hữu Hồng	K166+802 Cống Ngô Xá	P. Vị Khê	Cống xây dựng năm 1963 gồm 3 cửa, khẩu độ lớn, tiếp giáp trực tiếp với mặt sông rộng, nguy cơ xảy ra sự cố khi nước lũ cao.
2	Hữu Hồng	K176+820 - K177+100 Đê, kè Quán Các	X. Nam Hồng	Bãi trước đê hẹp, lạch sâu sát bờ, sông rộng; địa chất nền đê chủ yếu là đất thịt pha cát, đê được đắp qua nhiều thời kỳ, đất đắp không đồng chất; kè hộ bờ bằng đá học xây dựng từ lâu, bị hư hỏng nặng không phát huy tác dụng. Nguy cơ xảy ra sạt lở mái đê, kè khi có lũ bão.
3	Hữu Hồng	K123+050 Cống Mộc Nam	P. Duy Tân	Cống được xây dựng từ năm 1968, thân cống dài 38,4m, gồm 3 tầng 9 cửa có kích thước 3x(1,2x2)m và 6x(1,2x1,2)m, cánh cống bằng thép, đóng mở bằng tay. Do cống được xây dựng từ lâu nên hiện đã xuống cấp, nguy cơ cao xảy ra các sự cố khi có lũ.

TT	Tỉnh/tuyến	Vị trí Km-Km/ Tên công trình	Xã/Phường	Nội dung xác định trọng điểm
4	Hữu Hồng	K129+420 Cụm công trình đầu mối cống, âu thuyền Tắc Giang	P. Duy Tiên, X. Nam Xang, X. Lý Nhân	Trong mùa lũ năm 2012 đã xảy ra sự cố đặc biệt nghiêm trọng, tại hạ lưu cống xuất hiện đùn, sùi mạnh nước đục, gian nhà đỡ tủ điện điều hành cống bị lún nghiêng; toàn bộ nhà lắp đặt tủ điện vận hành cống bị sụt hoàn toàn xuống hố xói. Sự cố đã được xử lý nhưng cần được quan tâm đặc biệt, theo dõi chặt chẽ để sẵn sàng xử lý khi có sự cố xảy ra.
5	Hữu Hồng	K129+530 - K130+244 Đoạn đê xung yếu	X. Lý Nhân	Đê sát sông, mặt thoáng rộng, dòng chảy áp sát mái đê, dễ gây sạt lở do sóng, làm sạt trượt cơ đê, mái đê; liền kề cụm công trình đầu mối cống và âu thuyền Tắc Giang.
6	Hữu Hồng	K130+244 - K131+000 Đoạn đê xung yếu	X. Nam Xang	Đê sát sông, mặt thoáng rộng, dòng chảy áp sát mái đê, dễ gây sạt lở do sóng, làm sạt trượt cơ đê, mái đê; liền kề cụm công trình đầu mối cống và âu thuyền Tắc Giang.
7	Hữu Hồng	K141+000 - K142+489 Đoạn đê xung yếu	X. Bắc Lý	Đoạn đê mặt thoáng rộng, tiếp xúc trực tiếp với nước khi có lũ, phía thượng, hạ lưu có nhiều ao, đầm sát chân đê; đặc biệt kè Hồng Lý đoạn tương ứng từ K141+266-K141+680 đang có diễn biến sạt lở chưa được xử lý.
8	Hữu Hồng	K142+489 - K144+657 Đoạn đê xung yếu	X. Trần Thương	Tháng 9/2024 đã xảy ra sạt lở chân đê phía đồng, chiều dài 16m; kè lát mái Hồng Lý xuất hiện cung sạt mái cơ kè, tổng chiều dài 417m. Thượng lưu đê nhiều đầm ao sâu; hạ lưu là ao hồ nhỏ xen kẽ khu dân cư, mái cơ đê, mặt cơ đê một số vị trí bị xói lở.
9	Hữu Hồng	K154+236 - K154+280 Đoạn đê xung yếu	X. Nam Lý	Nhiều ao hồ, đầm sát chân đê, tháng 9/2024 đã xảy ra sạt trượt mái đê phía sông.
10	Hữu Hồng	K126+000 - K128+000 Đoạn đê xung yếu	P. Duy Tiên	Đoạn đê có nhiều ao hồ, đầm sát chân đê, hệ số mái đê hạ lưu chưa đảm bảo thiết kế; năm 2024 đã xảy ra sự cố sạt trượt mái thượng lưu 2 đoạn từ K126+530-K126+590 và từ K127+634-K127+654.
11	Hữu Hồng	K129+325 - K130+745	P. Duy Tiên, X. Nam Xang, X. Lý Nhân	Hiện đang triển khai thi công xây dựng cống qua đê kết hợp cầu giao thông khu vực thượng lưu cống âu Tắc Giang và xây dựng mới tuyến đê ngoài bãi sông, dự kiến hoàn thành trước ngày 30/6/2026.
12	Hữu Hồng	K145+578 Cống TB Như Trác	X. Nhân Hà	Cống hiện đang thi công để đưa vào chống lũ năm 2026, cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên đề phòng các sự cố về cống, dự kiến hoàn thành trước ngày 31/5/2026.
13	Hữu Hồng	K159+498 Cống xả TB cống Mỹ; K159+545 Cống Mỹ	P. Thiên Trường	Cống hiện đang thi công để đưa vào chống lũ năm 2026, cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên đề phòng các sự cố về cống, dự kiến hoàn thành trước ngày 31/5/2026.

TT	Tỉnh/tuyên	Vị trí Km-Km/ Tên công trình	Xã/Phường	Nội dung xác định trọng điểm
14	Cửa sông Hữu Hồng	K5+220 Cống Cồn Tư	X. Giao Hoà	Cống mới xây dựng, chưa qua thử thách trong mùa lũ nên cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, đề phòng các sự cố về cống.
15	Cửa sông Hữu Hồng	K7+069 Cống Cồn Năm	X. Giao Hoà	Cống mới xây dựng, chưa qua thử thách trong mùa lũ nên cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, đề phòng các sự cố về cống.
16	Hữu Ninh	K0+961 Cống Văn Lai	X. Ninh Giang	Cống xây dựng từ năm 1971, hiện thân cống ngắn, yếu, sạt tường thân. Nguy cơ xảy ra sự cố khi có lũ, bão.
17	Hữu Ninh	K6+067 - K6+347 Đê, kè Phụng Tường	X. Cát Thành	Kè xây dựng từ lâu, hiện lòng sông xói sâu, dòng chảy áp sát làm tụt chân kè; toàn bộ đá lát mái bị sạt lở, một số đoạn đỉnh kè bị sạt; nguy cơ tiếp tục sạt lở khi có lũ.
18	Hữu Ninh	K9+500 - K11+000 Kè Trục Bình	X. Cát Thành	Bãi đầu và cuối kè diễn biến sạt lở sát chân đê, làm mất đá lát mái; nguy cơ tiếp tục sạt lở khi có lũ, bão.
19	Hữu Ninh	K13+042 Cống Phú An	X. Cát Thành	Cống xây dựng từ lâu, hiện xuống cấp, tường thân, tường ngoặt và tường cánh,... bị hư hỏng, bong tróc, vỡ lở nhiều vị trí; nguy cơ xảy ra sự cố khi có lũ, bão.
20	Hữu Ninh	K26+590 Cống Quần Khu	X. Nghĩa Sơn	Cống xây dựng năm 1973, hiện thân cống bị nứt ngang ở vị trí giữa cống; mái đá bị lún sụt nước rò qua mái đá và khe nứt ngang cống vào trong đồng; đã được sửa chữa khắc phục tạm thời năm 2009; nguy cơ xảy ra sự cố khi có lũ.
21	Hữu Ninh, cửa sông Hữu Ninh	K28+150-K39+000 Đê hữu Ninh; K0+000-K1+500 Đê cửa sông hữu Ninh	X. Nghĩa Sơn, X. Hồng Phong	- Đê: Mặt cắt ngang hẹp B=(3,6-5)m, cao trình đê thấp +(2,5-3,6)m; nhiều đoạn thấp hơn mực nước lũ thiết kế; thân đê đắp bằng nhiều lớp đất không đồng chất; bãi phía sông nhiều ao hồ thung đào, thung đầu sát chân đê (trừ đoạn từ K32+040-K33+000 mặt đê rộng 8m). Năm 2017 nhiều vị trí nước xấp xỉ tràn qua đê. - Cống: Khu vực trọng điểm có 5 cống qua đê, cần theo dõi chặt chẽ. Nguy cơ nước tràn qua đỉnh đê, xảy ra sự cố đê khi có lũ, bão.
22	Tả Ninh	K11+262 Cống Kẹo	X. Xuân Trường	Cống xây dựng năm 1987, địa chất nền yếu. Hiện cống xuống cấp, thân cống có lỗ rò, mái kênh hạ lưu bị sạt lở, đầu tường chính bị nứt, mặt cầu giao thông xuống cấp nghiêm trọng, mới chỉ được gia cố tạm thời.
23	Tả Ninh	K5+968 Cống 1/5	X. Hải Thịnh	Cống được xây dựng từ lâu, thường xuyên tiếp xúc với nước mặn. Hiện cống hư hỏng, xuống cấp, thân cống, trụ pin, tường thân, tường đầu, hèm phai bị phong hóa, nứt vỡ một số vị trí; dầm cầu, mặt cầu giao thông, dàn van máy đóng mở bị nứt vỡ bê tông, cốt thép bị han gỉ, khả năng chịu lực yếu; tường cánh bằng đá xây bị lún.

TT	Tỉnh/tuyến	Vị trí Km-Km/ Tên công trình	Xã/Phường	Nội dung xác định trọng điểm
24	Tả Đáy	K151+994 Cống Đông Duy	X. Ý Yên	Cống 3 cửa, xây dựng từ năm 1953, tu sửa năm 1996. Hiện cống hư hỏng nặng, 2 cửa bên đã phải hoành triệt vĩnh viễn; địa chất nền yếu, mái đá hai bên hạ lưu bị lún, sụt.
25	Tả Đáy	K163+948 Cống Tây Vĩnh	X. Yên Đồng	Cống xây dựng từ lâu, năm 1973 tu sửa nối dài cống về phía đồng, cống yếu.
26	Tả Đáy	K188+705 Cống Mười Sáu	X. Nghĩa Sơn	Cống xây dựng từ năm 1975; tường thân được nối dài nhiều lần; tường đầu, tường cánh xây bằng đá hộc. Hiện công trình có sự chuyển vị, lún, nứt nhiều chỗ; mái đá thượng, hạ lưu bị bong sập, hư hỏng; cột dầm dàn van bằng bê tông cốt thép sắt bị nở trật và được xử lý tạm bằng xây gạch chèn. Đợt xả lũ tháng 6-7/2022, mực nước trên sông Đáy lên cao nhiều ngày, gây sập mái đá phía hạ lưu cống.
27	Tả Đáy	K190+745 Cống Đồng Liêu	X. Nghĩa Sơn	Cống xây dựng từ năm 1969. Hiện tường thân, tường đầu, tường cánh xây bằng đá hộc và bê tông bị nứt, vỡ, khi có chênh lệch mực nước, nước chảy từ phía mái đá thượng lưu qua khe nứt vào trong lòng cống gây mất đất sập, hỏng mái đá; hèm phai bị han rỉ, hư hỏng, khi đóng cánh cống xuống có chênh lệch mực nước thường bị kẹt.
28	Tả Đáy	K196+585 Cống Chi Tây	X. Quỳ Nhất	Cống xây dựng năm 1930, nối dài thân cống năm 1958 và năm 1973, tuy đã được sửa chữa nhiều lần (lần gần nhất là năm 2006) nhưng chỉ là tạm thời. Hiện công trình đã xuống cấp, đáy và thân cống bị nứt ở vị trí tiếp giáp giữa các lần cải tạo nối dài, mái đá bị lún sụt, đã xuất hiện nước rò qua mái đá và khe nứt của tường thân. Lũ năm 2024, mực nước sông dâng cao nước từ sông rò qua mang cống vào đồng, đã được xử lý giờ đầu.
29	Tả Đáy	K88+000 - K92+230	P. Nguyễn Úy	Tuyến đê có một số đoạn bị sạt lở đã được xử lý, cần được theo dõi chặt chẽ, thường xuyên trong mùa mưa bão, đặc biệt là các vị trí đã xuất hiện vết nứt trên mặt đê.
30	Tả Đáy	K92+230 - K95+290	P. Tam Chúc	Đê sát sông, tiềm ẩn nguy cơ xảy ra sự cố sạt lở mái đê phía sông, cần được theo dõi chặt chẽ, thường xuyên, đặc biệt là vị trí cống xả trạm bơm Gồm.
31	Tả Đáy	K95+290 - K101+520	P. Kim Bảng	- Chân đê sát ao hồ, đầm; mặt đê đoạn K96+680-K96+800 mới được xử lý chưa qua thử thách; đoạn đê từ K96+000-K97+000 xảy ra 3 sự cố sạt trượt mái đê thượng hạ lưu đã được xử lý khẩn cấp năm 2022. - Kè Đan Xuyên chiều dài 1,3km tại K96+033-K96+950 được lát mái bằng đá hộc lát khan, bị nứt phần tiếp giáp giữa mái và đỉnh kè (L=50m).

TT	Tỉnh/tuyến	Vị trí Km-Km/ Tên công trình	Xã/Phường	Nội dung xác định trọng điểm
32	Tả Đáy	K109+246 - K113+300 Kè tả Đáy, đoạn từ cống âu thuyền Phủ Lý đến cầu Đọ Xá	P. Phủ Lý	Kè được thi công từ lâu, trên tuyến kè có nhiều cửa khẩu, tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất an toàn. Vì vậy, cần đặc biệt quan tâm và xây dựng phương án, kịp thời ứng cứu đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ năm 2025.
33	Tả Đáy	K128+500 - K128+760 Kè Thanh Nghị	X. Thanh Lâm	Kè được xây dựng năm 2004, tu bổ, nâng cấp năm 2009, khoảng cách gần nhất đến chân đê 15m, địa hình tự nhiên dốc, mặt thoáng sông rộng, dòng chủ lưu áp sát đâm thẳng mái kè, có nguy cơ sạt lở cao.
34	Tả Đáy	K107+493 Cống Lương Cổ	P. Hà Nam	Cống được xây dựng từ rất lâu (1938-1940), xuống cấp nghiêm trọng: lún, nứt xói thượng, hạ lưu; tường ngực xuất hiện vết nứt dài 0,7m, bề rộng 3mm; dầm cầu giao thông và tường cánh phía thượng lưu bờ tả có một số vết nứt rộng 3mm; hệ thống máy đóng mở đã xuống cấp, dầm ngang cửa van các cửa số 1, 2, 3, 4, 5, 6 bị mục thủng.
35	Tả Đáy	K91+680 Cống TB Tân Sơn 2	P. Nguyễn Úy	Cống mới xây dựng, chưa qua thử thách trong mùa lũ, cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, đề phòng các sự cố về cống.
36	Tả Đáy	K125+730 Cống TB Nhâm Tràng	X. Thanh Lâm	Cống hiện đang thi công để đưa vào chống lũ năm 2026, cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên đề phòng các sự cố về cống, dự kiến hoàn thành trước ngày 31/5/2026.
37	Hữu Đáy	K70+198 Cống Lạc Thiện 1	X. Quang Thiện	Cống được xây dựng năm 1960, kích thước 3x(1,4x4,8)m; thân cống ngắn, kết cấu bằng đá xây đã xuống cấp, có hiện tượng rò rỉ qua hai mang cống, dầm van nổ bê tông.
38	Hữu Đáy	K16+394 Cống Cam Giá	P. Hoa Lư	Cống được xây dựng từ năm 1983, các mạch vữa đá xây bị mùn, xốp phía ngoài không đảm bảo an toàn chống lũ.
39	Hữu Đáy	K18+317 Rò rỉ qua tường chắn và đùn sùi	P. Hoa Lư	Mùa lũ năm 2024 đã xảy ra sự cố rò rỉ, nước chảy qua tường chắn và đùn sùi tại chân đê phía đồng; cần chú ý theo dõi, đề phòng tiếp tục xảy ra sự cố trong mùa lũ.
40	Hữu Đáy	K24+710 - K25+450 Sạt lở bãi sông	P. Đông Hoa Lư	Khu vực đang có diễn biến sạt lở bãi sông nguy hiểm, điểm gần nhất cách chân đê khoảng (3-5)m.
41	Hữu Đáy	K71+895 - K72+160 Kè Xuân Đài	X. Phát Diệm	Khu vực đang có diễn biến xói lở chân kè nguy hiểm, điểm gần nhất cách chân đê 4,0m.
42	Hữu Đáy	K7+807 Cống xả TB Gia Trán	X. Gia Trán	Cống hiện đang thi công để đưa vào chống lũ năm 2026, cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên đề phòng các sự cố về cống, dự kiến hoàn thành trước ngày 31/5/2026.

TT	Tỉnh/tuyến	Vị trí Km-Km/ Tên công trình	Xã/Phường	Nội dung xác định trọng điểm
43	Hữu Đáy	K23+582 - K23+750	P. Đông Hoa Lư	Dòng chảy áp sát gây xói lở bãi sông.
44	Hữu Đáy	K28+538 - K28+695	P. Đông Hoa Lư	Dòng chảy áp sát gây xói lở bãi sông.
45	Hữu Đáy	K33+600 - K35+000	X. Yên Khánh	Dòng chảy áp sát gây xói lở bãi sông.
46	Hữu Đáy	K47+000 - K49+000	X. Khánh Thiện	Dòng chảy áp sát gây xói lở bãi sông.
47	Hữu Đáy	K36+200 - K38+000	X. Khánh Thiện	Dòng chảy áp sát gây xói lở bãi sông.
48	Hữu Đáy	K45+000 – K45+200	X. Khánh Thiện	Mùa lũ năm 2025 gây thấm lậu, thấm ướt sũng mái đê phía đông.
49	Trường Yên	Âu Chanh	P. Tây Hoa Lư	Xây dựng từ năm 1957, cống hộp (8x8)m, bộ phận chuyển tiếp, tường hướng dòng của âu bằng đá xây đã xuống cấp, tường cánh bị nứt gãy; nền hai bên mang âu bị sụt lún, khi đóng cánh âu bị rò rỉ nước.
50	Trường Yên	K0+150 - K0+550 Đoạn đê xung yếu và một số vị trí cửa khẩu	P. Tây Hoa Lư	Đoạn đê dài 400m, cao trình đỉnh tường chắn (+5,7)m thấp hơn cao trình mặt đê thiết kế 0,27m; một số cửa khẩu trên tuyến chưa có phai dự phòng; trong mùa mưa lũ năm 2024 đã xảy ra sự cố rò rỉ, nước chảy qua tường chắn vào phía trong đồng.
51	Hữu Hoàng Long	K12+850-K13+000 Trần Lạc Khoái	X. Gia Phong	Năm 2017, lũ lớn trên sông Hoàng Long, cụm công trình phân lũ trần Lạc Khoái đã xuất hiện thấm, thấm lậu qua thân tràn, một số đoạn mái tràn phía thượng, hạ lưu và dốc lên xuống 2 vai tràn đã bị lún sụt, nứt vỡ,...; đã xử lý khoan phụt vữa gia cố năm 2019. Trong mùa mưa lũ năm 2024 đã tiếp tục xảy ra sự cố thấm lậu, thấm ướt mái đê phía đông khu vực tràn sự cố; cần tiếp tục theo dõi chặt chẽ, lập phương án bảo vệ trong mùa mưa lũ.
52	Tả Hoàng Long	K20+290 - K21+460 Lún, nứt mặt đê	X. Gia Vân	Nhiều vị trí mặt đê bị lún, nứt dọc; mùa mưa lũ năm 2024 đã xảy ra sự cố thấm lậu, thấm ướt mái đê phía đông; do đó cần phải theo dõi, lập phương án bảo vệ trong mùa mưa lũ.
53	Hữu Vạc	K23+600 - K25+000 Kè Hữu Vạc	X. Phát Diệm	Tuyến kè sát chân đê đang có diễn biến sạt lở, điểm gần nhất cách chân đê 1,2m.

TT	Tỉnh/tuyến	Vị trí Km-Km/ Tên công trình	Xã/Phường	Nội dung xác định trọng điểm
IX	THANH HÓA			
1	Tả Chu	K15+800 - K16+500 Đê và cống Ngọc Quang	X. Xuân Lập	- Đoạn đê từ K16+300-K16+360 bị thấm lậu mái đê phía đồng. - Cống Ngọc Quang: Cống hộp, 8 cửa x(2 x 2 x 36)m; năm xây dựng: 1938. Sân thượng lưu đá lát đáy kênh bị bong tróc 0,8-1,0m, sâu 0,5m. Ngày 13/8/2020 tại bề tiêu năng cống xuất hiện bãi sủi (0,5x1)m; mái kênh hạ lưu bờ hữu cống bị sạt lở dài 50m. Ngày 05/7/2021 tại bề tiêu năng cống tiếp tục xuất hiện bãi sủi nước trong từ đồng sang sông có đem theo cát kích thước (0,7x1)m. Đã xử lý bãi sủi. Hiện tại mái kênh hạ lưu bờ hữu cống bị sạt lở dài 50m.
2	Tả Chu	K5+300-K6+300 Đê Thọ Lập	X. Thọ Lập	Trong đợt mưa lũ tháng 9 năm 2024 mái đê phía sông bị sạt từ K5+970-K6+040 với chiều dài 70m. Đã tiến hành xử lý sự cố giờ đầu theo phương châm “4 tại chỗ”, đắp đất, đầm trị và che bạt phủ kín mái đê tại vị trí cung sạt.
3	Tả Chu	K11+800 - K13+800 Đê Xuân Lập	X. Xuân Lập	Do ảnh hưởng của cơn bão số 3, số 5 năm 2025 và mưa lũ kéo dài, đoạn đê từ K11+800-K13+800 đã xảy ra 09 sự cố sạt mái đê phía sông. Đã tiến hành xử lý sự cố giờ đầu theo phương châm “4 tại chỗ”, đắp đất, đầm trị và che bạt phủ kín mái đê tại các vị trí sạt lở.
4	Hữu Chu	K12+500 - K13+300 Đê, kè Thượng Vôi	X. Xuân Hòa	Đê sát sông, nhiều vị trí mặt đê hư hỏng; kè lát mái kết hợp với mỏ hàn. Qua quá trình sử dụng đến nay lăng thể đá học chân kè bị sụt sạt, 4 vị trí mỏ hàn và mái mỏ hàn bị sạt lở nghiêm trọng.
5	Hữu Chu	K18+450 Cống Tiêu Thủy	X. Thọ Xuân	Lún thân cống tại khớp nối 3-10cm, cánh cửa tự động phía sông và ty van phía đồng bị han gỉ; cống không có phai phụ. Lượng nước tiêu trong các trận lũ rất lớn nên mái kênh và sân tiêu năng cống phía sông thường xuyên bị hư hỏng khi phải tiêu nước nội đồng. Ngày 03/10/2023 mái sân tiêu năng phía hạ lưu bờ hữu bị sạt dài 11m, rộng 6m và sâu 1,2-1,5m; dầm tường bê tông bị xói ngầm dài 3m, sâu 1m tại phần nối tiếp mái bê tông với phần mái đá lát khan sân tiêu năng. Mái đá lát khan bị xói và tụt trôi mất chân, nên phần trên mái đá lát bị nứt rộng 5-10cm dài 3m, rộng 5,0m. Trong lũ đã xử lý cung sạt theo phương châm “4 tại chỗ”; cần tiếp tục theo dõi chặt chẽ và xây dựng phương án bảo vệ trọng điểm đối với cống trong mùa mưa lũ năm 2026.

TT	Tỉnh/tuyến	Vị trí Km-Km/ Tên công trình	Xã/Phường	Nội dung xác định trọng điểm
6	Hữu Chu	K38+900 - K39+400 Đê xã Minh Tâm (đoạn Kè Hậu Hiền)	X. Thiệu Toán	Đoạn đê, kè này từ năm 2005 - 2010 xuất hiện lún sập mái kè Hậu Hiền tại K38+950 và K39+000; đến tháng 8/2011 tiếp tục xuất hiện lún, sụt; tháng 3/2013 hai hố sập tiếp tục phát triển; đã thi công tu sửa mái kè bị sụt lún đoạn K38+830 - K39+046. Đặc biệt tại đoạn đê này xuất hiện hiện tượng thấm từ đồng sang sông, có 02 lỗ rò tại K38+950 và K39 xuất hiện vào mùa kiệt, đã xử lý khoan phụt vữa phía đồng cách tâm lỗ rò 50m về mỗi phía nhưng vẫn tiếp tục rò rỉ. Năm 2015, lát lại mái kè, làm tầng lọc ngược, qua theo dõi thấy nước chảy ra là nước trong, không mang theo bùn, cát. Các khả năng có thể xảy ra: nguy cơ sạt mái đê, kè; sập mái kè trong lũ, sập mái kè khi nước kiệt; mạch sủi ao hồ phía đồng.
7	Hữu Chu	K26+400 - K27+600 Đê Thọ Xuân	X. Thọ Xuân	Đây là đoạn đê cao và có bãi sông rất hẹp, dòng chủ lưu áp sát vào bờ nên hàng năm bãi thường xuyên bị sạt lở từng mảng lớn xuống sông, mặt khác trên mặt bãi đoạn từ K27+450-K27+600 xuất hiện nhiều hố sụt, xói lòng từ mặt bãi xuống sông sâu.
8	Hữu Chu	K45+210 - K45+242 và K45+445-K45+470 Đê Đông Tiến	P. Đông Tiến	Do ảnh hưởng của bão số 5, số 6 năm 2025, tại vị trí K45+210-K45+242 và K45+445-K45+470 đã xảy ra sự cố sạt mái đê phía đồng, chiều dài cung sạt 32m và 25m.
9	Hữu Mã	K1+000 - K1+200 Sạt lở mái đê phía sông	X. Quý Lộc	Do ảnh hưởng của mưa, lũ do bão số 4 năm 2019, mái đê phía sông đoạn từ K1+050-K1+100 đê hữu sông Mã bị sạt lở 50m, chiều sâu cung sạt 7,5m. Sau khi xử lý theo phương châm “4 tại chỗ”, đến nay tuyến đê chưa được thử thách qua lũ lớn, cần quan tâm theo dõi chặt chẽ và xây dựng phương án bảo vệ trọng điểm đối với đoạn đê này trong mùa mưa lũ năm 2026.
10	Hữu Mã	K54+525 - K55+000 Đê, kè Quảng Phú	P. Quảng Phú	Năm 2025, do ảnh hưởng của cơn bão số 5, đoạn đê từ K54+750 - K54+980 đã xảy ra sự cố sạt chân đê, mái đê phía sông với chiều dài dài khoảng 160m, sạt sâu vào chân đê khoảng 1m. Đã tiến hành xử lý sự cố giờ đầu theo phương châm “4 tại chỗ”, đóng cọc chân cung sạt, dựng lưới thép sát hàng cọc, dùng bao tải đất đắp bù phụ lại phần mái đê đã sạt và chân đê bị sụt.

TT	Tỉnh/tuyến	Vị trí Km-Km/ Tên công trình	Xã/Phường	Nội dung xác định trọng điểm
11	Hữu Mã	K39+350 - K39+680 Đê, kè Hàm Rồng	P. Hàm Rồng	- Đê, kè đoạn K39+350-K39+550: Chân kè, cơ kè đã thi công sửa chữa 2020 nhưng vẫn có diễn biến sụt lún, phía ngoài cơ kè và cơ kè bị sụt lún 0,5m. Tháng 10/2024, kè Hàm Rồng đoạn từ K39+470-K39+530 phần đá lát mặt, mái cơ bị xói trôi. - Đê, kè đoạn từ K39+550-K39+680: Do ảnh hưởng của dòng chảy và mưa bão số 3 năm 2019, đoạn kè Hàm Rồng cũ tương ứng K39+550 - K39+680 đê hữu sông Mã đã xảy ra sự cố sạt lở nghiêm trọng cơ và mái kè từ cao trình (+0.00)-(+2.50), đã làm lại kè mới năm 2021, tuy nhiên cần tiếp tục theo dõi diễn biến do đoạn kè trước đang có diễn biến sụt lún phức tạp.
12	Hữu Mã	K55+000 - K56+060 Đê Quảng Thọ	P. Sầm Sơn	Cao trình đê thấp, mặt cắt đê nhỏ, chưa được gia cố, nhiều vị trí mặt đê bị lún, hư hỏng xuống cấp, đây là đoạn đê cửa sông dễ xảy ra hiện tượng nước sông tràn qua đê khi có bão kết hợp với triều cường.
13	Tả Mã	K22+997 Cống tiêu Nham Thôn	X. Biện Thượng	Cống hộp 01 cửa (2,2x 2,2)m dài 25m; xây dựng năm 1965, cửa rèm tự động thay mới năm 2010. Cống đóng không kín nước; tràn cống, tường cống do xây dựng lâu năm nên có hiện tượng bị nứt.
14	Tả Mã	K9+900- K10+100 Kè Long Vân	X. Vĩnh Lộc	Kè xây dựng năm 2021. Ngày 01/10/2024 đoạn kè xảy ra sự cố bị sạt mái kè từ K10+030-K10+100 dài 71m, sạt sâu vào đỉnh kè làm sập đường quản lý vận hành dài khoảng 40m.
15	Tả Mã	K55+500 - K55+520 Đê Hoàng Lộc	X. Hoàng Lộc	Do ảnh hưởng của bão số 3 năm 2025, đã xuất hiện cung sạt chiều dài 20m, chiều sâu 1,3m trên mái đê phía sông vào sát mép mặt đê; đã xử lý sự cố giờ đầu theo phương châm “4 tại chỗ”, cần quan tâm theo dõi chặt chẽ và xây dựng phương án bảo vệ trọng điểm trong mùa mưa lũ năm 2026.
16	Tả Mã	K50+903 Cống Đại Tiền 1	P. Hàm Rồng	Cống xây dựng năm 1968, hình thức cống hộp 2 cửa, kích thước (0,8x1,0)m dài 18m; ngày 26/02/2024 đã xảy ra sự cố lũng mang cống, tường đầu và hèm phai bằng đá xây bị thủng, nước chảy qua vị trí thủng gây xói trôi và sập đất một bên mang cống phía sông, kích thước vị trí lũng mang cống: đường kính 0,7m, sâu 1,0m; đã tiến hành xử lý sự cố giờ đầu, đào đất phần mang cống phía sông và đắp đất đầm trị lại.
17	Tả Lạch Trường	K8+790 - K8+999 Đê Hậu Lộc	X. Hậu Lộc	Đoạn đê có 12 cửa khẩu, kích thước rộng từ (2,4-3,5)m, chiều cao từ (0,65-1,4)m, cần xây dựng phương án bảo vệ trọng điểm trong mùa mưa lũ năm 2026.

TT	Tỉnh/tuyến	Vị trí Km-Km/ Tên công trình	Xã/Phường	Nội dung xác định trọng điểm
X	NGHỆ AN			
1	Tả Lam	K74+600 - K78+660 Yên Xuân	X. Hưng Nguyên Nam	<p>Đê nằm trên nền cát thô, dày từ 5 - 13m, đã xảy ra sủi nhiều lần trên diện rộng, tuy đã xử lý sau lũ bằng đắp phản áp nhưng chưa triệt để vì tầng cát thô quá dày và vùng dân cư đông đúc khó thực hiện.</p> <p>Hệ thống kè và các mỏ hàn bị xói lở mạnh, nhất là phần hạ lưu của cầu Yên Xuân, làm cho kè bị sụt mái, xói chân, bờ sông bị xói lở mạnh; năm 2020, tuyến kè đã bị sạt lở đoạn từ K76+940-K77+020 với chiều dài 80m. Năm 2023 đã đầu tư sửa chữa, nâng cấp tuyến kè từ K76+520 - K78+259, tuy nhiên cần phải theo dõi thường xuyên nhất là trong mùa mưa lũ.</p> <p>Trên tuyến có cống tưới Hưng Xuân xây dựng mới năm 2020, chưa qua thử thách với lũ lớn nên cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, đề phòng các sự cố về cống.</p>
2	Tả Lam	K80+600-K82+650 Phú - Khánh	X. Lam Thành	<p>Đê trực diện với hợp lưu của hai nhánh sông Lam và sông La, do đó dòng chảy có xu hướng thẳng góc với đê, có đoạn dòng chủ lưu chỉ cách chân đê (10-15)m; ngoài ra, khu vực này lòng sông rộng, đà gió dài gây sóng lớn nguy hiểm cho đê khi có lũ lớn.</p> <p>Về kè, đoạn tiếp giáp Hưng Phú và Hưng Khánh lòng sông có xu thế xói sâu, áp sát chân kè có thể gây sạt lở.</p> <p>Khi có lũ lớn thì sủi xuất hiện trong các giếng nước của dân và trong các ao sâu.</p> <p>Trên tuyến có 03 cống dưới đê; trong đó 02 cống (cống Văn Viên và cống tưới Hưng Phú) mới được đầu tư xây dựng, nâng cấp, chưa qua thử thách với lũ lớn nên cần theo dõi, kiểm tra thường xuyên, đề phòng các sự cố về cống.</p>
3	Tả Lam	K58+500 - K61+000 Hoà Lạc	X. Vạn An	<p>Khu vực có nền đất yếu, khi có lũ thường xuất hiện đùn sủi trên diện rộng; có vị trí vỡ đê năm 1954 (Bàu Sen), đây là đoạn thân đê cao, dễ sạt lở mái đê.</p> <p>Cống Nam Đàn 2 tại K59+000 đã vận hành từ năm 2018 nhưng mới chỉ được thử thách qua trận lũ tháng 10/2020 (lũ vượt báo động II 0,16m), cần chú ý theo dõi chặt chẽ.</p>
4	Tả Lam	K21+000 - K22+300 Cẩm Thái	X. Đại Đồng	<p>Mái kè liền mái đê, chênh lệch độ cao giữa mặt đê và chân kè khá lớn khoảng từ 8,0m đến 11,0m, dòng chảy sát đê.</p> <p>Năm 2020, đã xuất hiện sủi (sủi khí) tại ao và ruộng phía trong đồng. Năm 2021 UBND tỉnh đã đầu tư kinh phí khoan phụt vữa gia cố thân đê; cần chú ý theo dõi chặt chẽ khi có lũ.</p>
5	Tả Lam	K74+019 Cống Hưng Xá	X. Hưng Nguyên Nam	<p>Cống mới được đầu tư xây dựng, nâng cấp, chưa qua thử thách với lũ lớn nên cần theo dõi, kiểm tra thường xuyên, đề phòng các sự cố về cống.</p>

TT	Tỉnh/tuyến	Vị trí Km-Km/ Tên công trình	Xã/Phường	Nội dung xác định trọng điểm
XI	HÀ TĨNH			
1	La Giang	K0+600 - K2+100 Kè Tùng Ảnh	X. Đức Quang	Tuyến kè nằm sát chân đê, khi mực nước lên cao, dòng chảy đâm thẳng vào tuyến kè gây xói lở chân kè, có thể gây sạt trượt mái đê, kè nên đây là vị trí xung yếu cần được bảo vệ.
2	La Giang	K12+200 - K14+100 Vùng sủi Đức Diên	X. Đức Thọ	Đoạn đê có nền đê là tầng cát thô dày (chiều dày từ 6 - 8,5)m, có đoạn sâu 12m; tầng phủ phía sông và phía đồng mông; khi mực nước lũ lên trên báo động II xuất hiện các vùng sủi, mạch sủi; đặc biệt là giếng nước của dân ven đê xuất hiện sủi nước tràn qua miệng ống và xung quanh thành giếng nên cần theo dõi và có phương án xử lý.
3	La Giang	K8+000 Cống Đức Xá	X. Đức Quang	Cống mới xây dựng, chưa qua thử thách trong mùa lũ nên cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, đề phòng các sự cố về cống.
4	La Giang	K16+213 - K19+149	P. Bắc Hồng Lĩnh	Khi có lũ lớn gặp bão gây ra sóng lớn thúc thẳng vào thân đê dẫn đến nước tràn đê và sạt lở mái đê.
5	La Giang	K11+625 Cống TB Đức Diên	X. Đức Quang	Cống mới thi công xong, chưa qua thử thách trong mùa lũ nên cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, đề phòng các sự cố về cống.
6	La Giang	K13+880 Cống Quy Vượng	X. Đức Quang	Cống mới thi công xong, chưa qua thử thách trong mùa lũ nên cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, đề phòng các sự cố về cống.
7	La Giang	K19+200 Cống Lam Hồng	P. Bắc Hồng Lĩnh	Cống mới thi công xong, chưa qua thử thách trong mùa lũ nên cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, đề phòng các sự cố về cống.
8	La Giang	K9+730 Cống Đức Nhân	X. Đức Quang	Cống đang thi công xây dựng thay thế cống cũ để đưa vào chống lũ năm 2026 nên cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, đề phòng các sự cố về cống.
XII	ĐỒNG THÁP			
1	Sa Rài	K0+00 - K2+930 Tuyến 2	X. Tân Hồng	Tuyến 2 là tuyến chịu lũ chính của đê bao Sa Rài, phía ngoài toàn tuyến mặt thoáng rộng, có thể xảy ra sạt lở chân mái cơ đê ngoài khi lũ lên cao kết hợp gió lớn uy hiếp an toàn tuyến đê.
2	Sa Rài	K0+00 - K1+490 Tuyến 1	X. Tân Hồng	Tuyến đê trùng với đường Hùng Vương có cao trình đỉnh tại +6,0, chưa đảm bảo cao trình chống lũ. Khi mực nước lũ lên cao có thể gây ra tràn, cần có phương án chống tràn khi lũ lên cao.

TT	Tỉnh/tuyến	Vị trí Km-Km/ Tên công trình	Xã/Phường	Nội dung xác định trọng điểm
XIII	TÂY NINH			
1	Đê bao xã Vĩnh Hưng	K1+446 - K2+440 Tuyến 2	X. Vĩnh Hưng	Mái kè phía sông một số đoạn bị hư hỏng, mái đá bị bong tróc. Khi lũ cao, sóng lớn có khả năng sạt lở mái đê phía sông.
2	Đê bao xã Vĩnh Hưng	K2+330-K2+440 Cống thoát nước Tuyến 2	X. Vĩnh Hưng	Cống mới thi công xong, chưa qua thử thách trong mùa lũ, cần theo dõi chặt chẽ và xây dựng phương án bảo vệ trong mùa mưa lũ năm 2026.
3	Đê bao xã Vĩnh Hưng	K2+440 - K3+938 Tuyến 3	X. Vĩnh Hưng	Mái đê phía sông chưa được gia cố bảo vệ, một phần đá học bị bong tróc, hư hỏng. Khi lũ cao, sóng lớn có khả năng sạt lở mái đê phía sông.
4	Đê bao xã Vĩnh Hưng	K3+938 - K4+927 Tuyến 4	X. Vĩnh Hưng	Mái đê phía đồng có độ dốc lớn, mái đắp đất chưa được gia cố nên khi đến mùa mưa thường xuyên xảy ra sạt trượt gây mất an toàn đê.
5	Đê bao xã Vĩnh Hưng	K3+940-K3+960 Cống thoát nước Tuyến 4	X. Vĩnh Hưng	Cống mới thi công xong, chưa qua thử thách trong mùa lũ, cần theo dõi chặt chẽ và xây dựng phương án bảo vệ trong mùa mưa lũ năm 2026.
6	Đê bao xã Tân Hưng	K0+000 - K1+425 Tuyến 1	X. Tân Hưng	Đoạn từ K1+126-K1+210 chưa được gia cố cứng hóa mặt đê; nếu xảy ra mưa lớn kết hợp lũ lên cao có thể gây tràn cục bộ một số vị trí; ngoài ra mái đê phía sông đoạn từ K0+761-K1+048, K1+183-K1+425 chưa được gia cố; khi lũ lên cao, kết hợp gió lớn gây sóng leo có khả năng gây sạt trượt mái đê, ảnh hưởng đến an toàn đê.
7	Đê bao xã Tân Hưng	K0+918 Cống qua đê bao Tuyến 1	X. Tân Hưng	Cống đang thi công để đưa vào chống lũ năm 2026, cần được quan tâm theo dõi, sẵn sàng phương án để đảm bảo an toàn cho công trình và tuyến đê.
8	Đê bao xã Tân Hưng	K1+425 - K2+841 Tuyến 2	X. Tân Hưng	Thân đê có nhiều lỗ rỗng; mái đê phía sông bằng đất chưa được gia cố, khi xảy ra lũ cao có khả năng gây sụt lún thân đê, sạt trượt mái đê.
9	Đê bao xã Tân Hưng	K2+841 - K3+866 Tuyến 3	X. Tân Hưng	Mái đê phía sông và phía đồng bằng đất, khi lũ cao có khả năng gây tràn cục bộ, thấm lậu qua thân đê, sụt lún mặt đê, sạt trượt mái đê.
10	Đê bao xã Tân Hưng	K3+866 - K4+371 Tuyến 4	X. Tân Hưng	Mái đê phía sông, phía đồng bằng đất chưa được gia cố, nhiều vị trí bị sạt trượt, nếu xảy ra lũ lớn có khả năng gây sụt lún thân đê, sạt trượt mái đê.
XIV	AN GIANG			
1	Đê Đông kênh Bảy Xã	K3+000 Cống Kênh Cùn	X. Vĩnh Xương	Cống Kênh Cùn được xây dựng từ năm 1996-1997, cống hở B=2m, cao trình đáy -1,0m, cao trình đỉnh +6,0m, kết cấu bê tông cốt thép, đá xây. Hiện tại khi lũ lên cao khoảng +3,0, tường thân cống và cửa cống rò rỉ, có khả năng xảy ra sự cố.
2	Đê kênh Nhánh Đông	K0+040 - K0+100	X. Vĩnh Xương	Đoạn đê cong, mặt đê phía sông có cao trình thấp, nghiêng về phía sông.

TT	Tỉnh/tuyến	Vị trí Km-Km/ Tên công trình	Xã/Phường	Nội dung xác định trọng điểm
3	Đê kênh Nhánh Đông	K1+000+K2+150	X. Vĩnh Xương	Mái đê có diễn biến xói lở ăn vào chân đê, mái đê. Cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, đề phòng các sự cố có thể xảy ra.
4	Đê Đông kênh Bảy Xã	K5+300 - K13+000	X. Vĩnh Xương, X. Tân An	Mái đê có diễn biến xói lở ăn vào chân đê, mái đê. Cần được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, đề phòng các sự cố có thể xảy ra.
5	Tuyến đê Bắc kênh Xáng	K3+000 - K4+600	X. Tân An	Mùa lũ năm 2018, 2019 xảy ra một số điểm sạt lở nguy hiểm, có vị trí khoét sâu vào mái đê và thân đê, gây mất an toàn đê điều; mùa mưa lũ năm 2024 tiếp tục có diễn biến sạt lở, đã triển khai xử lý sự cố tạm thời. Cần được xử lý cấp bách để bảo vệ tuyến.
Tổng cộng: 293 trọng điểm, vị trí xung yếu				